

tỉnh Đồng Nai trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao đã triển khai các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND và thực hiện xây dựng kế hoạch thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác tăng cường kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác, vận chuyển và kinh doanh cát không phép trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kết quả kiểm tra, xử lý trong 04 năm thực hiện Chỉ thị số 14 cụ thể như sau:

- Sở Công Thương đã đôn đốc, chỉ đạo Văn phòng Cơ quan thường trực 389/ĐP thực hiện tổ chức kiểm tra tổng số 455 vụ; tổng số vụ vi phạm: 287 vụ; tổng số vụ xử lý: 285 vụ (trong đó: khai thác trái phép đất, cát, đá (đá tảng lẫn): 101 vụ; mua bán, vận chuyển khoáng sản: 74 vụ; không thực hiện giấy chứng nhận hợp quy đối với VLXD là gạch nung: 23 vụ; Kinh doanh khoáng sản không rõ nguồn gốc xuất xứ: 19 vụ; các hành vi vi phạm về bến bãi: 09 vụ; các vi phạm khác 61 vụ); chờ xác minh: 03 vụ; tổng số tiền thu nộp: 2.260.357.000 đồng; hàng hóa tịch thu: 1.630 m³ cát; 283,5 m³ (đất, đá); 727.410kg than đá; 1.925 viên đá chẻ; 30 ống nhựa; 02 máy nổ; 22 phương tiện ghe (bơm hút, chở cát; 24 xe đầu kéo rơ moóc;

- Cục Quản lý thị trường Đồng Nai thực hiện kiểm tra, xử lý các đối tượng sản xuất, kinh doanh VLXD với tổng số vụ kiểm tra: 39 vụ (sản xuất, kinh doanh VLXD); tổng số vụ vi phạm sản xuất và kinh doanh sản phẩm không có giấy chứng nhận hợp quy, vi phạm giấy chứng nhận hợp quy theo quy định là 16 vụ, phạt tiền: 366.297.000 đồng (cát, gạch nung).

e) Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tải trọng xe

UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban An toàn giao thông tỉnh lắp đặt các thiết bị truyền nhận dữ liệu trạm cân, camera giám sát, đường truyền internet tại các mỏ khai thác đá thuộc thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Định Quán. Hiện nay, dữ liệu đã truyền tải về Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Sở Giao thông Vận tải để giám sát việc thực hiện cam kết tải trọng của các mỏ đá trên địa bàn tỉnh, tất cả các mỏ đá đã đi vào khai thác đều lắp đặt trạm cân đá sản phẩm trước khi vận chuyển ra khỏi mỏ.

Hàng năm, Ban An toàn giao thông phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Sở Giao thông Vận tải, Công an tỉnh, Công an các huyện tổ chức khảo sát lắp đặt hệ thống truyền nhận dữ liệu và quản lý tải trọng phương tiện vận chuyển.

Ban An toàn Giao thông đã phối hợp các đơn vị liên quan xử lý vi phạm qua hệ thống giám sát tải trọng từ đầu năm 2020 đến nay, kết quả như sau:

- Thường xuyên theo dõi, quản lý hoạt động vận chuyển vật liệu của các phương tiện tại 30/30 mỏ đá với 43/43 trạm cân yêu cầu lực lượng chức năng xử lý nghiêm các đơn vị có phương tiện quá tải trọng khi phát hiện trên hệ thống giám sát.

- Qua hệ thống, lực lượng chức năng đã lập biên bản vi phạm hành chính 09 trường hợp vi phạm về bốc xếp hàng hóa lên phương tiện xe ô tô vượt tải trọng

cho phép tại Công ty CP Hóa An Chi nhánh Tân Cang, Công ty TNHH Nam Hóa An, Công ty TNHH MTV Khoa Quyên, Công ty CP Hóa An - Mỏ đá Thạnh Phú 2, Công ty CP Xuất nhập khẩu và thương mại Phú Minh Châu; Công ty CP Đầu tư xây dựng BMT; Công ty TNHH Hữu Trọng với tổng số tiền phạt 17.000.000đồng.

Việc thực hiện công tác kiểm soát tải trọng xe thông qua dự án nêu trên đã phát huy được tác dụng giám sát các xe vận chuyển từ đầu ra các mỏ đá xây dựng, cần được phát huy nhân rộng mô hình giám sát này, bên cạnh đó để phát huy tối đa công tác giám sát tải trọng xe thông qua camera, trạm cân và truyền dữ liệu để làm cơ sở xử phạt vi phạm hành chính cần có hành lang pháp lý để xử lý vi phạm và tính minh bạch trong quản lý mô hình này, không để những đơn vị lợi dụng các chiêu trò để qua mặt hệ thống giám sát của nhà nước.

g) Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động khai thác khoáng sản trái phép

Với tinh thần chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, các cơ quan quản lý chuyên ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra đột xuất để kiểm tra các hoạt động khai thác khoáng sản bất hợp pháp, đa phần là khai thác đất và cát không phép, kết quả đạt được:

Để nâng cao trách nhiệm quản lý hoạt động khai thác cát, kinh doanh bên bãi theo chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 20/12/2016, Các Sở ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và Thành phố Biên Hòa xây dựng kế hoạch hàng năm triển khai thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, xây dựng phương án bảo vệ khoáng sản; kiện toàn đội phản ứng nhanh kiểm tra hoạt động khoáng sản, công khai đường dây nóng tiếp nhận phản ánh hoạt động khai thác khoáng sản tại địa phương.

Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản là nhiệm vụ thường xuyên, hàng quý đều được tổng hợp đánh giá báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo phương hướng nhiệm vụ cho những tháng tiếp theo. Qua đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị 14-CT/TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh ủy và chỉ đạo của UBND tỉnh cho thấy Chỉ thị số 14-CT/TU ngày càng phát huy hiệu quả, tính khả thi đã góp phần làm chuyển biến rõ nét công tác quản lý khai thác, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo chiều hướng tích cực hơn trước, việc khai thác khoáng sản trái phép đã lắng dịu, không còn sôi động so với trước khi có Chỉ thị số 14-CT/TU.

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác đấu tranh, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản, UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo kiểm tra, truy quét, bảo vệ lâm sản và khoáng sản (theo Quyết định số 1284/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 02/5/2019) do đồng chí Phó Giám đốc - Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh làm trưởng ban. Thành viên gồm lãnh đạo các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, qua

đó đã huy động sức mạnh tổng hợp trong công tác đấu tranh, phòng chống khai thác lâm sản và khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Ban chỉ đạo đã xây dựng, ban hành các Kế hoạch truy quét, huy động lực lượng Công an, Quân đội, các sở ngành liên quan và chính quyền địa phương, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để tổ chức đấu tranh, xử lý triệt để các vi phạm pháp luật về khoáng sản và lâm sản trên địa bàn tỉnh, mở các cao điểm đấu tranh, xử lý vi phạm trên lĩnh vực khai thác cát, sỏi trái phép; đặc biệt, công tác kiểm tra, xử lý các phương tiện có kết cấu đặc thù bơm hút cát đang neo đậu, lưu thông trên tuyến sông Đồng Nai đã đạt được nhiều kết quả, góp phần đáng kể làm giảm tình hình khai thác cát trái phép trên các tuyến sông.

Trên cơ sở các kế hoạch, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Công an tỉnh, các đơn vị, địa phương đã làm tốt công tác nắm tình hình, tập trung lực lượng phát hiện, bắt giữ, xử lý các đối tượng, điểm nhóm khai thác, kinh doanh khoáng sản trái phép trên địa bàn toàn tỉnh. Trong đó, hầu hết Công an các địa phương cấp huyện đều thành lập tổ công tác phản ứng nhanh do đội Cảnh sát kinh tế chủ công phối hợp phòng Tài nguyên và môi trường, Công an cấp phường, xã tổ chức thực hiện. Các phòng nghiệp vụ của tỉnh như phòng PC03, PC05 thường xuyên rà soát nắm chắc tình hình để kịp thời phát hiện bắt, xử lý các khu vực có hoạt động khai thác và vận chuyển tiêu thụ khoáng sản trái phép có qui mô liên quan nhiều địa bàn, tình vi, phức tạp.

Đối với tình trạng khai thác cát trái phép tuyến sông, các đơn vị, địa phương Công an tỉnh đã thành lập các tổ công tác tổ chức các hoạt động đấu tranh quyết liệt với các đối tượng khai thác, kinh doanh cát trái phép bằng các biện pháp: Tuần tra, kiểm soát chặt chẽ những tụ điểm, khu vực trọng điểm trên tuyến sông và trên cạn có hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, kinh doanh khoáng sản có nguồn gốc trái phép; bố trí lực lượng bí mật bất ngờ tập kích các tụ điểm khai thác cát trái phép trên sông, các tụ điểm khai thác đất, đá trên cạn...

Tại địa bàn thành phố Biên Hòa, Công an thành phố Biên Hòa thành lập Đội Phản ứng nhanh (gồm đội Cảnh sát môi trường phối hợp phòng Tài nguyên môi trường, Thành đội Biên Hòa); từ tháng 06/2018, Công an Thành phố Biên Hòa thành lập 02 tổ công tác đóng chốt tại khu vực phường Bửu Long – Tân Hạnh và khu vực xã Long Hưng – Long Bình Tân đã góp phần ngăn chặn và kéo giảm tình trạng khai thác cát trái phép.

Tại huyện Nhơn Trạch, Công an huyện Nhơn Trạch đã phối hợp phòng Tài nguyên và môi trường huyện thành lập tổ công tác thường xuyên tuần tra, giám sát khu vực sông Đồng Nai đoạn gần cầu cao tốc Long Thành thuộc xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch; phối hợp UBND xã Long Tân xây dựng 01 trạm kiểm soát sát bờ sông. Từ đó đã đẩy mạnh hoạt động tuần tra trên các tuyến sông, rạch để bắt giữ, xử lý các đối tượng bơm hút cát trái phép; kiểm tra xử lý các bến bãi kinh doanh cát có dấu hiệu tiêu thụ cát nguồn gốc trái phép.

Phòng Cảnh sát đường thủy (nay là lực lượng cảnh sát đường thủy thuộc

phòng Cảnh sát giao thông) lập 01 chốt kiểm soát gồm 01 tàu tuần tra, 02 cano để kiểm soát khu vực “điểm nóng” khai thác tại xã Long Tân, Nhơn Trạch; Từ tháng 6/2018, lập thêm các chốt kiểm soát khu vực cầu Đồng Nai, phường An Bình-Tân Vạn và chốt Vàm Cái Sứ xã Long Hưng để bắt giữ xử lý các đối tượng khai thác cát trái phép.

Phòng PC05 lập tổ công tác tuyến sông Đồng Nai, thường xuyên làm tốt công tác nghiệp vụ, nắm bắt tình hình khai thác cát trái phép trên tuyến để kịp thời phối hợp công an các đơn vị, địa phương đấu tranh, xử lý. Đặc biệt, đối với “điểm nóng” khai thác cát có sự cảnh giới cao, né tránh hoạt động tuần tra công khai thì tổ công tác tuyến sông lên kế hoạch mật phục, tập kích triệt phá. Qua đó, các “điểm nóng” khai thác cát trên tuyến sông cơ bản đã bị triệt phá.

Kết quả tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản cụ thể như sau:

Từ ngày 20/12/2016 đến ngày 20/10/2020, Công an tỉnh đã phát hiện, xử lý tổng số 900 vụ việc vi phạm pháp luật về khai thác, kinh doanh khoáng sản. Đã lập hồ sơ chuyển truy tố 05 vụ (khai thác cát 03 vụ, khai thác đất 01 vụ, trốn thuế 01 vụ); xử phạt vi phạm hành chính 875 vụ với tổng số tiền là 15.858.102.000đ (*mười lăm tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, một trăm linh hai nghìn đồng*); tịch thu tang vật vi phạm gồm: 207 ghe bơm hút cát; 01 xà lan bơm hút cát; 03 xe máy đào; 15 xe tải ben; 04 phà bơm; 5.155 m³ cát; 2.700 viên đá chẻ; Đang tiếp tục xác minh, xử lý 20 vụ. Số liệu kết quả xử lý từng năm như sau:

- Năm 2017: Phát hiện, bắt giữ, xử lý 248 vụ - 194 đối tượng khai thác, vận chuyển, kinh doanh khoáng sản trái phép; xử phạt hành chính 226 vụ - 174 đối tượng, số tiền 2.871.172.000đ; tịch thu 01 xe cuốc, 74 ghe bơm hút cát, 1.863 m³ cát và nhiều phương tiện, thiết bị khác; số còn lại đang tiếp tục xác minh, xử lý. Trong đó: Khai thác, vận chuyển, kinh doanh đất, đá, than bùn: 119 vụ - 120 đối tượng; xử phạt hành chính 93 vụ - 95 đối tượng, số tiền 2.078.972.000đ; Khai thác, vận chuyển, kinh doanh cát: 129 vụ - 74 đối tượng; xử phạt hành chính 129 vụ - 74 đối tượng, số tiền 664.400.000đ.

- Năm 2018: Phát hiện, bắt giữ, xử lý 219 vụ; khởi tố hình sự 01 vụ; phạt vi phạm hành chính 214 trường hợp tổng số tiền 1.954.170.000đ; thu 55 ghe bơm hút cát; 600m³ cát. Trong đó: Khai thác kinh doanh cát: 135 vụ; khởi tố hình sự 01 vụ, 01 bị can; xử phạt 149 đối tượng với tổng số tiền 1.393.570.000đ, tịch thu 55 ghe bơm hút cát; Khai thác đất, đá: 64 vụ, phạt VPHC 65 đối tượng tổng số tiền 487.600.000 đồng; Vi phạm an toàn giao thông đường thủy, qui định bến bãi: 20 vụ, xử phạt 73.000.000đ.

- Năm 2019: phát hiện, bắt giữ, xử lý 222 vụ, 284 đối tượng, Phạt tiền 6.712.760.000đ, Tịch thu 43 phương tiện ghe bơm hút, 1.201m³ cát. 900 viên đá chẻ; trong đó chuyển 01 khai thác cát đến cơ quan điều tra để điều tra xử lý về hình sự. Trong đó: Vi phạm về khai thác cát: 71 vụ, 66 đối tượng. Phạt tiền 1.486.540.000đ, Tịch thu 43 phương tiện. 453m³ cát. Chuyển cơ quan điều tra

01 vụ; Vi phạm về khai thác khoáng sản đất, đá: 55 vụ, 97 đối tượng. Phạt tiền 4.699.970.000đ, Tịch thu 77m³ đất; Vi phạm về mua bán khoáng sản nguồn gốc trái phép và qui định về an toàn giao thông đường thủy liên quan hoạt động khai thác cát: 96 vụ, 121 đối tượng. Phạt tiền 526.250.000đ, Tịch thu 1.201m³ cát, 900 viên đá chẻ.

- Năm 2020: Phát hiện, bắt giữ, xử lý tổng cộng: 211 vụ, 221 đối tượng, xử phạt và tịch thu trị giá tang vật, phương tiện vi phạm tổng số tiền 4 tỷ 320 triệu đồng; tịch thu 35 ghe bơm hút cát và hàng trăm m³ đất, cát, đá...; chuyển 02 vụ đến cơ quan điều tra để xử lý theo qui định pháp luật hình sự. Trong đó: Khai thác cát không phép: 45 vụ/32 đối tượng, phạt tiền 360 triệu đồng; tịch thu 35 ghe bơm hút cát; Khai thác khoáng sản đất, đá không phép: 65 vụ/88 đối tượng; xử phạt và truy thu tiền thu lợi bất chính tổng cộng 3 tỷ, 250 triệu đồng; tịch thu 450m³ cát; 304m³ đất, đá; Vi phạm về mua bán khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp 101 vụ/ đối tượng (đất đá 37 vụ; cát 64 vụ), xử phạt tổng số tiền 710 triệu đồng; tịch thu 1.800 viên đá chẻ, 1042m³ cát.

Những vụ việc điển hình trong 04 năm triển khai Chỉ thị 14-CT/TU:

- Trường hợp bơm hút cát không phép và bơm cát lên bãi tập kết cát tại thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn Vinh, địa chỉ ấp 6A, xã Núi Tượng, huyện Tân Phú đã được UBND tỉnh chỉ đạo tại văn bản số 3746/UBND-CNN ngày 24/4/2017, Văn bản số 4674/UBND-NC ngày 14/5/2018 và Văn bản số 6792/BC-UBND ngày 02/7/2018, vụ việc này đã được UBND tỉnh và các Sở, ngành chỉ đạo nhiều lần nhưng cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương chậm xử lý, lực lượng Công an tại địa phương chưa quyết liệt, gây nhiều bức xúc trong dư luận tại địa phương.

- Các bãi cát hoạt động tại xã Gia Canh, huyện Định Quán thu mua cát của Công ty TNHH Xăng dầu Đức Tín, trụ sở tại xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận là đơn vị được UBND tỉnh Bình Thuận cấp giấy phép khai thác cát tại xã Gia Huynh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên, việc vận chuyển cát từ xã Gia Huynh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận về xã Gia Canh, huyện Định Quán chưa được Công an tỉnh điều tra, xác minh về khoảng cách, tính hiệu quả, khả năng vận chuyển ... để làm rõ có hay không việc lợi dụng mua bán hóa đơn để hợp thức hóa, trong khi Công an tỉnh đã xác định có dấu hiệu một số đối tượng tổ chức khai thác cát trái phép trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, UBND tỉnh đã chỉ đạo Công an tỉnh tiếp tục phối hợp với Công an tỉnh Bình Thuận, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận điều tra làm rõ nguồn gốc cát tại các bãi cát hoạt động tại xã Gia Canh, huyện Định Quán theo đúng chỉ đạo của Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình tại Thông báo kết luận số 142/TB-VPCP ngày 12/4/2019 về tình hình vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác cát tại các địa phương tại Văn bản số 10045/UBND-KTN ngày 21/8/2020, Công an tỉnh đang thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Vụ ông Nguyễn Thanh sang tại xã Phú Thanh, huyện Tân Phú có dấu hiệu

lợi dụng cải tạo ao nuôi trồng thủy sản kết hợp thu hồi cát xây dựng để tiêu thụ các khai thác trái phép đã được UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra xử lý nghiêm nên phát hiện ông Nguyễn Thanh Sang tiếp tay tiêu thụ nguồn cát từ khai thác cát trái phép; Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Phú đã kiểm tra, xử lý theo quy định; Đồng thời UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành không tiếp nhận, tham mưu đề xuất các hồ sơ cho phép, gia hạn cải tạo ao nuôi trồng thủy sản kết hợp thu hồi cát xây dựng trên địa bàn tỉnh nhằm phòng ngừa việc lợi dụng cải tạo đất để khai thác cát xây dựng, vụ việc đã được các sở ngành và địa phương xử lý dứt điểm.

- Vụ Bất tុ điểm khai thác đất trái phép tại Đồi Môn, ấp 4, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc ngày 12/5/2020 Công an tỉnh đã tiến hành bắt quả tang tុ điểm khai thác đất trái phép tại khu vực Đồi Môn thuộc ấp 1, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Tổ công tác đã tạm giữ toàn bộ các phương tiện thực hiện khai thác khoáng sản trái phép gồm 02 xe máy đào và 04 xe ben vận chuyển đất không có nguồn gốc hợp pháp, tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh, lập hồ sơ để xử lý theo qui định pháp luật. Kết quả điều tra đã xác định vụ việc khai thác đất nêu trên do các đối tượng Trần Kim Lâm trú tại ấp 1, xã Xuân Tâm, Xuân Lộc và đối tượng Nguyễn Đăng Hiếu trú tại xã Xuân Hiệp, Xuân Lộc lấy lý do đào ao nuôi cá để khai thác 760m³ đất làm vật liệu san lấp và vật liệu làm gạch, bán cho các lò gạch để thu lợi. Phòng PC05 đã lập hồ sơ đề nghị cơ quan chức năng xử phạt các đối tượng khai thác khoáng sản trái phép, mua bán, vận chuyển khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (02 xe cuốc) theo qui định pháp luật với tổng số tiền trên 1 tỷ đồng.

- Bên cạnh các vụ việc nêu trên, các điểm nóng khai thác cát trên sông Đồng Nai và các kênh rạch thuộc địa bàn thành phố Biên Hòa, các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch đã được UBND tỉnh chỉ đạo Công an tỉnh, UBND các cấp thường xuyên làm tốt công tác nghiệp vụ, nắm bắt tình hình khai thác cát trái phép trên tuyến, tổ chức mật phục để kịp thời phối hợp công an các đơn vị, địa phương đấu tranh, xử lý. Công an tỉnh, UBND các cấp xem đây là nhiệm vụ thường xuyên và tiếp tục thực hiện nhằm hạn chế tối đa hoạt động khai thác cát trên khu vực “điểm nóng này”.

10.2.2. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các Ban cán sự đảng, Đảng đoàn, các cấp ủy trực thuộc tỉnh đã tích cực triển khai, tổ chức thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước đối với việc khai thác, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh, góp phần chấn chỉnh, đưa hoạt động quản lý, bảo vệ, khai thác tài nguyên khoáng sản có bước chuyển biến, đi vào nề nếp hơn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; ngăn chặn, xử lý các

hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác, kinh doanh tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên đất đai trên địa bàn tỉnh. Qua tuyên truyền vận động người dân, đã nhận được nhiều đơn thư phản ánh, tố giác các hành vi khai thác khoáng sản trái phép, nhất là các trường hợp bơm hút cát trái phép trên sông Đồng Nai, giúp cho các cơ quan chức năng ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

Công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản được triển khai thực hiện nghiêm túc, xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách và thường xuyên; trong đó, trách nhiệm trực tiếp và thường xuyên là người đứng đầu chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Công tác phối hợp lập quy hoạch khoáng sản tiếp tục được đẩy mạnh; công tác khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được thực hiện nghiêm túc. Công tác phối hợp cấp phép hoạt động khoáng sản được chấn chỉnh ngày càng chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời gắn việc khai thác với công tác bảo vệ môi trường. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về khoáng sản được tăng cường và duy trì thường xuyên; có nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu, ngăn ngừa các hoạt động khai thác cát, đất, tận thu vật liệu san lấp không phép.

Hầu hết công an các địa phương cấp huyện đều thành lập tổ công tác phản ứng nhanh do đội Cảnh sát kinh tế chủ trì phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, công an cấp phường, xã tổ chức thực hiện. Tổ công tác phản ứng nhanh đã đi vào hoạt động thường xuyên, có hiệu quả trong việc tuần tra, phát hiện, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm hoạt động khai thác khoáng sản trái phép với kết quả kiểm tra, xử lý đấu tranh với các đối tượng vi phạm pháp luật khai thác khoáng sản trái phép trong thời gian qua là đáng ghi nhận.

Công an tỉnh đã chủ động phối hợp với các sở, ngành và UBND các địa phương có nhiều biện pháp tăng cường quản lý, đấu tranh nên tình hình khai thác, kinh doanh khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực; nhất là việc khai thác, kinh doanh cát trái phép; hiện tại các dự án nạo vét, thông luồng đã ngưng hoạt động; việc khai thác cát trái phép diễn ra ở quy mô nhỏ lẻ, lén lút. Tình hình bơm hút cát trái phép trên các tuyến sông, các khu vực “điểm nóng” về bơm hút cát trái phép trước đây như: khu vực Cù lao Tín Nghĩa (Tân Vạn); đoạn sông Đồng Nai từ cầu Ghềnh đến cầu Ông Tiếp; sông Đồng Tranh, sông Thị Vải... đã giảm hẳn hiện tượng bơm hút cát trái phép.

Công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, hệ thống cơ chế, chính sách từng bước được xây dựng và hoàn thiện, phục vụ ngày càng có hiệu quả góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực khoáng sản được cơ quan chức năng thực hiện định kỳ theo kế hoạch hàng năm và thường xuyên tổ chức kiểm tra đột xuất các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, huyện để chấn chỉnh, xử lý các sai phạm.

Các cơ quan, ban ngành, địa phương liên quan đã quan tâm thực hiện nghiêm túc, cố gắng, trong việc quyết tâm xử lý bền thủy nội địa không phép

trên địa bàn tỉnh theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh. UBND cấp huyện đã chỉ đạo tổ công tác liên ngành của địa phương tăng cường kiểm tra hoạt động bến thủy không phép. Trong đó đã tập trung theo dõi, giám sát các cảng, bến thủy nội địa không phép đã bị xử lý nhiều lần, bến không phép, bến hết phép không đủ điều kiện cấp lại, bến không đủ điều kiện hoạt động, giảm thiểu tình trạng tái vi phạm hoạt động. Từ đó đã cơ bản giữ được kết quả kiểm soát hoạt động bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh. UBND cấp huyện đã thực hiện nghiêm việc tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của phòng ban tham mưu, UBND cấp xã nơi để xảy ra tình trạng bến thủy nội địa hoạt động trái phép.

2. Tồn tại, hạn chế

- Luật Khoáng sản và các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản đã được các Chính phủ, Bộ, ngành ban hành tương đối đầy đủ, tuy nhiên vẫn còn nhiều sự chồng chéo giữa các quy định pháp luật về khoáng sản, đất đai, đầu tư; quy định thủ tục hành chính còn mang tính tổng thể về khoáng sản chưa cụ thể cho từng loại khoáng sản làm ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, nhất là đối với cấp giấy phép khai thác vật liệu san lấp, khai thác vật liệu san lấp trong quá trình thực hiện dự án công trình.

- Luật khoáng sản và Nghị định hướng dẫn thi hành luật đã quy định các khoản thu về khoáng sản được quy định điều tiết về cho địa phương nơi có hoạt động khoáng sản và cho hoạt động quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Tuy nhiên, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể về nội dung này để địa phương triển khai thực hiện.

- Việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho doanh nghiệp để hoạt động khai thác cát xây dựng trên sông, nhưng doanh nghiệp được cấp giấy phép khai thác khoáng sản chưa được cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đã ảnh hưởng đến hoạt động khai thác cát của doanh nghiệp, trong khi vẫn tồn tại một số bến bãi không phép trên địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.

- Trong thời gian qua, công tác tổ chức kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản trái phép đã được nâng cao, tuy nhiên các đối tượng vẫn còn manh nha, lợi dụng sơ hở của cơ quan quản lý nhà nước để khai thác cát nhất là vùng giáp ranh, thời gian vào mùa mưa bão, đêm khuya. Vẫn còn địa phương xảy ra tình trạng phát sinh mới bến trái phép hoạt động thời gian ngắn, mặt dù đã được địa phương phát hiện xử lý kịp thời nhưng chưa có chế tài ngăn chặn việc tái vi phạm.

3. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện

- Các đối tượng thường lợi dụng các khu vực có địa hình, điều kiện tự nhiên phức tạp để thực hiện khai thác cát trái phép (địa bàn sông nước khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh, thành phố; ngoài biển gây khó khăn trong công tác kiểm tra, truy đuổi và ngăn chặn). Hoạt động của các đối tượng khai thác cát trái phép thường diễn ra vào ban đêm, chúng cử lực lượng canh giới, theo dõi tại các khu vực bến, bãi triển khai lực lượng, phương tiện của cơ quan chức để thông báo cho các đối tượng, phương tiện lẫn trốn và sẵn sàng có những hành vi chống đối lực lượng

chức năng (đánh chìm phương tiện, tang vật vi phạm) để trốn tránh trách nhiệm khai thác cát trái phép; cùng một phương tiện nhưng sử dụng nhiều đối tượng khác nhau để khai thác cát trái phép nhằm tránh bị xử lý đối với hành vi tái phạm (lách luật); các đối tượng trực tiếp thực hiện hành vi vi phạm là người làm thuê hoặc sử dụng phương tiện thuê của người khác để đối phó với quy định tịch thu tang vật, phương tiện theo quy định xử lý vi phạm hành chính hiện hành cũng gây rất nhiều khó khăn cho việc xử lý.

- Sự liên kết, phối hợp giữa các Sở ngành, giữa các địa phương trong đấu tranh, ngăn chặn hoạt động khai thác khoáng sản trái phép và vận chuyển khoáng sản đã có bước chuyển biến tích cực, nhưng vẫn chưa được thông suốt, liên tục, việc kiểm tra liên ngành, liên tỉnh thành chưa được phối hợp thường xuyên do lo ngại việc lộ thông tin kế hoạch, phương án đấu tranh phòng chống khai thác cát trên sông rạch vùng giáp ranh. Hiện nay, sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước và lực lượng tham gia đấu tranh còn chưa đồng bộ, hoạt động trao đổi, chia sẻ thông tin nghiệp vụ còn hạn chế, chưa kịp thời dẫn đến việc nắm bắt thông tin đấu tranh còn nhiều hạn chế dẫn đến kết quả đấu tranh khai thác cát trái phép đạt hiệu quả chưa cao.

Công tác phối hợp kiểm tra, giám sát đối với nguồn cát phục vụ xây dựng công trình hiện chưa được thực hiện. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương, tỉnh thành có mỏ cát được cấp phép để quản lý và kiểm tra chứng từ hợp pháp của các đối tượng vi phạm. Có nhiều trường hợp khi phát hiện vi phạm, lập biên bản thì sau đó các đối tượng này lại bổ sung các chứng từ liên quan đến khai thác, vận chuyển từ mỏ cát ở các tỉnh lân cận. Công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng ở thành phố và các tỉnh giáp ranh theo Quy chế phối hợp đã được tăng cường (trong xác minh, xử lý phương tiện vi phạm không bị giới hạn trong địa giới hành chính) nhưng nhìn chung công tác phối hợp trong đấu tranh còn chưa thường xuyên, thiếu đồng bộ.

10.3. Hệ thống chính sách và văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện Kế hoạch 116/KH-BCĐGSTHBVMT ngày 27/4/2020 của Ban Chỉ đạo giám sát thực hiện bảo vệ môi trường về việc tổ chức giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2020 về tổ chức giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2020; UBND tỉnh Đồng Nai báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu từ năm 2014 đến nay, cụ thể như sau:

a. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện

Công tác quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về việc quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt; chất thải rắn và chất thải nhựa, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu đã được luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm, thực hiện thông qua việc ban hành Nghị quyết Đại hội đại biểu Tỉnh Đảng bộ nhiệm kỳ X và Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh hàng năm trong đó có các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường và

ứng phó biến đổi khí hậu, Đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Chương trình bảo vệ môi trường 05 năm (2016-2020) và Kế hoạch bảo vệ môi trường hằng năm. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết, Quyết định, Tỉnh đã chỉ đạo các ngành, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương phải có nội dung bảo vệ môi trường; kịp thời có văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai thực hiện các chỉ đạo của trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh. Trên cơ sở xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp gắn với phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các sở ngành, địa phương, bảo đảm tính khoa học, khả thi; chú trọng công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện.

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết, Quyết định, tỉnh đã xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động trên cơ sở xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp gắn với phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các sở ngành, địa phương, bảo đảm tính khoa học, khả thi; chú trọng công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT, các nhiệm vụ BVMT theo chỉ đạo của Trung ương được thực hiện kịp thời và có chế độ kiểm tra, theo dõi sâu sát nhằm đảm bảo tính hiệu quả và đạt mục tiêu phát triển bền vững, phòng ngừa những tác động xấu đối với môi trường, ứng phó kịp thời sự cố môi trường. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn cũng ngày càng được chú trọng thực hiện góp phần nâng cao nhận thức về BVMT của mọi tầng lớp nhân dân.

Công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về việc quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt; chất thải rắn và chất thải nhựa, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Việc tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng được chú trọng; hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường được nhân rộng với sự tham gia, hưởng ứng của nhiều cơ quan, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Tổ chức ký kết Chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường giai đoạn 2016-2020 giữa ngành Tài nguyên và Môi trường với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan, đoàn thể (Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đài Phát thanh – Truyền hình Đồng Nai, Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật, Liên đoàn Lao động, Liên minh hợp tác xã, Hội Người cao tuổi) cấp tỉnh và huyện đã và đang được triển khai thực hiện ngày càng hiệu quả. Theo đó, hàng năm, bên cạnh việc cụ thể hóa, lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, các đoàn thể đều xây dựng thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí riêng cho hoạt động truyền thông và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường làm cơ sở thực hiện.

Công tác tập huấn triển khai văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường được triển khai kịp thời đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Đồng thời, đã phối hợp với các cơ quan báo đài nhằm phổ biến rộng rãi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường cho tất cả các đối tượng trên địa bàn.

Thực hiện dân chủ cơ sở về bảo vệ môi trường, các thông tin, dữ liệu về môi trường (như kết quả quan trắc, hiện trạng chất lượng môi trường; các văn bản, quy định, các hoạt động về bảo vệ môi trường của địa phương,...) được thông tin công khai qua các cơ quan thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của tỉnh, của Sở Tài nguyên và Môi trường, chương trình phát thanh cấp huyện, xã, qua tiếp xúc cử tri, qua các buổi sinh hoạt của đoàn thể. Qua đó, nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp về bảo vệ môi trường từng bước được nâng lên.

Nhìn chung, công tác tuyên truyền đã được các ngành, các cấp và các đoàn thể, đơn vị, các cơ sở kinh doanh, sản xuất quan tâm thực hiện; các đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch truyền thông và triển khai thực hiện trên địa bàn quản lý. Công tác ban hành các văn bản để triển khai các quy định của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về bảo vệ môi trường cũng như chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh luôn được UBND tỉnh quan tâm, thực hiện. Tỉnh đã chỉ đạo các ngành, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải có nội dung bảo vệ môi trường; kịp thời có văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai thực hiện các chỉ đạo của trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh.

b. Công tác triển khai thực hiện của UBND tỉnh, thành phố các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt; chất thải rắn và chất thải nhựa, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Căn cứ các quy định của Trung ương, UBND tỉnh ban hành các văn bản triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản để triển khai thực hiện, cụ thể hóa các quy định của Trung ương và công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2000, UBND đã phê duyệt Quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 tại Quyết định số 931/QĐ.CT.UBT ngày 18/4/2000 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 7480/QĐ-UBND ngày 26/7/2006. Đến năm 2011, tiếp tục phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 tại Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 và bổ sung điều chỉnh tại Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 và Quyết định số 3907/QĐ-UBND ngày 09/12/2015.

Về quản lý rác thải nhựa, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tỉnh đã xây dựng kế hoạch số 14174/KH-UBND ngày 24/12/2018 về phát động phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh, văn bản số 7558/UBND-CNN ngày 02/7/2019 về việc tiếp tục triển khai

thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường do rác thải nhựa gây ra trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở Kế hoạch số 177-KH/TU ngày 18/4/2014 của Tỉnh ủy Đồng Nai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 9881/CTr-UBND ngày 17/10/2014 thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ và Kế hoạch số 177-KH/TU ngày 18/4/2014 của Tỉnh ủy Đồng Nai.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT, các nhiệm vụ BVMT theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ban ngành Trung ương được thực hiện kịp thời và có chế độ kiểm tra, theo dõi sâu sát nhằm đảm bảo tính hiệu quả và đạt mục tiêu phát triển bền vững, phòng ngừa những tác động xấu đối với môi trường, ứng phó kịp thời sự cố môi trường. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn cũng ngày càng được chú trọng thực hiện góp phần nâng cao nhận thức về BVMT của mọi tầng lớp nhân dân.

Công tác tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quan tâm chỉ đạo thực hiện nhằm cụ thể hóa kịp thời các quy định pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đã trình Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành 58 văn bản quy phạm pháp luật, gồm 03 Chỉ thị, Kế hoạch của Tỉnh ủy, 07 Nghị quyết của HĐND tỉnh và 48 Quyết định, kế hoạch của UBND tỉnh.

Ngoài ra đã tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, ban hành quy chế phối hợp về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường các tỉnh giáp ranh với Đồng Nai, như: Bình Dương, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Phước và thành phố Hồ Chí Minh.

Việc xây dựng, trình ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc chấp hành, thực thi pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Bảng 10.2 Danh mục các văn bản do Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành chỉ đạo thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu từ năm 2014 đến nay

TT	Số hiệu văn bản	Tên văn bản
I	Tỉnh ủy	
1	Kế hoạch số 177-KH/TU ngày 18/4/2014	Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của BCH TW Đảng về “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”
2	Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 20/12/2016	về tăng cường công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh
3	Chỉ thị số 54-CT/TU ngày 24/3/2020	Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi được phân loại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
II	HĐND tỉnh	
1	Nghị quyết số 120/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014	Điều chỉnh Nghị quyết số 57/2012/NQ-HĐND ngày 06/12/2012 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020
2	Nghị quyết số 184/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015	Về việc quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030
3	Nghị quyết số 185/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015	Về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 125/2008/NQ-HĐND ngày 05/12/2008 của HĐND tỉnh thông qua Đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020
4	Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	Quy định về phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
5	Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017	Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
6	Nghị quyết số 92/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Thông qua quy hoạch bảo tồn Đa dạng sinh học tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
7	Nghị quyết	Quy định về phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ

TT	Số hiệu văn bản	Tên văn bản
	114/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018	môi trường từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.
III	UBND tỉnh	
1	Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 25/01/2014	Ban hành quy chế phối hợp thực hiện bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
2	Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đợt 1
3	Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 18/6/2014	Bãi bỏ Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 21/4/2008 của UBND tỉnh ban hành quy định về bảo vệ môi trường trong sử dụng năng lượng từ than, gỗ tạp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
4	Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 22/7/2014	Điều chỉnh nội dung Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025
5	Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 31/7/2014	Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020
	Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 07/05/2020	Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 về việc ban hành Bảng giá tối thiểu để tính thuế đối với các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
6	Quyết định số 3892/QĐ-UBND ngày 09/12/2014	Quy định phân công trách nhiệm trong quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
7	Kế hoạch số 3768/KH-UBND ngày 08/5/2014	Kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2014
8	Chương trình hành động số 9881/CTR-UBND ngày 17/01/2014	Thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ
9	Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 24/9/2015	Về việc bổ sung Bảng giá tối thiểu tính thuế các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai

TT	Số hiệu văn bản	Tên văn bản
10	Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 04/12/2015	Thành lập Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh Đồng Nai
11	Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015	Về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
12	Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND ngày 12/01/2016	Phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030
13	Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 24/02/2016	Thành lập Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh Đồng Nai (thay thế Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 04/12/2015).
14	Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 09/3/2016	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý, vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động tại các KCN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
15	Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 25/7/2016	Chương trình bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
16	Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 08/12/2016	Phê duyệt danh sách di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 02)
17	Kế hoạch 2681/KH-UBND ngày 13/4/2016	Kế hoạch Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2015
18	Kế hoạch 2621/KH-UBND ngày 07/4/2016	Kế hoạch Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2016
19	Kế hoạch 4685/KH-UBND ngày 08/6/2016	Kế hoạch thực hiện vớt, xử lý lục bình, khai thông dòng chảy trên các tuyến sông, suối, rạch thuộc địa bàn tỉnh Đồng Nai và khu vực giáp ranh với thành phố Hồ Chí Minh
20	Kế hoạch số 8936/KH-UBND ngày 27/9/2016	Về khắc phục cơ bản hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
21	Quy chế phối hợp số 37/QCPH ngày 06/1/2017	Quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường ở các vùng giáp ranh địa giới hành chính giữa thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Bình Phước và tỉnh Lâm Đồng.
22	Quy chế phối hợp số 481/QCPH-ĐN-LĐ ngày 23/01/2017	Quy chế phối hợp giữa UBND tỉnh Đồng Nai và UBND tỉnh Lâm Đồng về việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; kiểm tra, xử lý vi phạm hoạt động khoáng sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản vùng giáp ranh

TT	Số hiệu văn bản	Tên văn bản
23	Quy chế số 02/QCPH-UBNDĐN-BGTVT ngày 23/5/2017	Quy chế phối hợp giữa UBND tỉnh Đồng Nai và Bộ Giao thông vận tải về công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với các dự án xã hội hóa nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai
24	Quy chế phối hợp số 4027/QCPH-ĐN-BT ngày 10/11/2017	Quy chế phối hợp giữa UBND tỉnh Đồng Nai và UBND tỉnh Bình Thuận về việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; kiểm tra, xử lý vi phạm hoạt động khoáng sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản vùng giáp ranh
25	Quyết định số 4615/QĐ-UBND ngày 22/12/2017	Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
26	Kế hoạch 833/KH-UBND ngày 25/01/2017	Triển khai thực hiện Chỉ thị 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường
27	Kế hoạch số 3005/KH-UBND ngày 04/4/2017	Kế hoạch Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017
28	Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 13/02/2018	Về triển khai thực hiện Nghị quyết số 92/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND về việc thông qua quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
29	Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 02/3/2018	Ban hành về quản lý thoát động thoát nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
30	Quyết định 18/2018/QĐ-UBND ngày 26/3/2018	Ban hành quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh
31	Quyết định 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/9/2018	Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1, Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
32	Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 11/10/2018	Ban hành quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh.
33	Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	Ban hành bảng tính thuế tài nguyên với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
34	Quyết định 44/2018/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	Ban hành đơn giá hoạt động quan trắc môi trường địa bàn tỉnh Đồng Nai
35	Quyết định 45/2018/QĐ-UBND ngày 01/11/2018	Ban hành đơn giá khai thác dữ liệu trực tuyến trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

TT	Số hiệu văn bản	Tên văn bản
36	Kế hoạch số 3575/KH-UBND ngày 12/4/2018	Kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2018
37	Kế hoạch số 12472/KH-UBND ngày 16/11/2018	Về việc triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để triển khai thực hiện tại địa phương
38	Kế hoạch 14174/KH-UBND ngày 24/12/2018	Về phát động phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
39	Văn bản số 13560/UBND-CNN ngày 10/12/2018	Bãi bỏ Quyết định số 82/2006/QĐ-UBND ngày 23/11/2006 của UBND tỉnh về trình tự thủ tục hủy phế liệu, phế phẩm của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
40	Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	Ban hành đơn giá hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo cho trạm quan trắc nước tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
41	Kế hoạch số 3941/KH-UBND ngày 09/4/2019	Kế hoạch Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019
42		Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường vùng giáp ranh địa giới hành chính giữa 02 tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
43	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 29/01/2019	Bãi bỏ các quy định pháp luật hết hiệu lực thi hành (trong đó có Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 10/3/2010 về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn và Quyết định số 82/2006/QĐ-UBND ngày 23/11/2006 về việc quy định thủ tục hủy phế liệu, phế phẩm.
44	Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 17/6/2019	Sửa đổi một số điều của quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
45	Văn bản 7558/UBND-CNN ngày 02/7/2019	Về việc tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường do rác thải nhựa gây ra trên địa bàn tỉnh của UBND tỉnh
46	Kế hoạch số 3870/KH-UBND ngày 07/4/2020	Kế hoạch Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai
47	Kế hoạch số 5739/KH-UBND ngày 28/5/2020	Kế hoạch triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 - 2025

10.4. Hệ thống quản lý môi trường

Tổ chức, bộ máy quản lý môi trường từng bước được kiện toàn, vai trò của

lực lượng cảnh sát phòng chống tội phạm môi trường được phát huy; cán bộ chuyên trách môi trường cấp huyện, cán bộ địa chính - môi trường cấp xã được bổ sung.

Đến nay, nhân sự làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh có 182 người, cấp huyện có 52 người và hầu hết các xã, phường, thị trấn đều bố trí nhân viên làm công tác địa chính - môi trường. Ngoài ra, ngành xây dựng, nông nghiệp, công thương, y tế,..., các tổ chức chính trị - xã hội và đa số các Tổng công ty, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đều có bố trí nhân sự phụ trách về công tác bảo vệ môi trường tại cơ quan, đơn vị doanh nghiệp. Tại hầu hết các Công ty kinh doanh hạ tầng KCN đều có từ 1-2 nhân sự quản lý chuyên trách về môi trường; đặc biệt Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi có 157 nhân viên, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ môi trường đô thị Đồng Nai có 719 nhân viên và người lao động; các hợp tác xã dịch vụ môi trường trên địa bàn các huyện có gần 300 người lao động.

10.5. Vấn đề tài chính, đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường

- Từ năm 2016 - 2020, nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến môi trường cho các đơn vị khối tỉnh là **582.425.626.041 đồng**, trong đó: năm 2016 là 185.613.873.054 đồng, năm 2017 là 110.556.850.738 đồng, năm 2018 là 109.291.921.070 đồng, năm 2019 là 80.825.981.179 đồng, năm 2020 là 96.137.000.000 đồng.

Riêng đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, kinh phí được giao và sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện công tác bảo vệ môi trường từ năm 2016 - 2020 là **413.737.924.313 đồng**, trong đó: năm 2016 là 162.471.691.989 đồng, năm 2017 là 95.350.524.578 đồng, năm 2018 là 88.635.740.946 đồng, năm 2019 là 179.966.800 đồng, năm 2020 là 67.100.000.000 đồng.

- Hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai đã từng bước phát huy vai trò là một trong những công cụ kinh tế hữu hiệu của nhà nước tác động vào hoạt động xã hội hóa bảo vệ môi trường môi trường trên địa bàn tỉnh một cách thiết thực và hiệu quả. Tổng nguồn vốn của Quỹ Bảo vệ môi trường tính đến tháng 5/2020 là 272,421 tỷ đồng.

Từ năm 2016 đến tháng 5/2020, Quỹ Bảo vệ môi trường đã tài trợ không hoàn lại 0,786 tỷ đồng cho các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn; duyệt cho vay 38 dự án với số tiền 132,02 tỷ đồng, trong đó ưu tiên hỗ trợ vốn cho các dự án đầu tư công trình bảo vệ môi trường có tính chất phục vụ cộng đồng, cụ thể đã hỗ trợ vay vốn cho:

- + 18 dự án đầu tư xe ép rác chuyên dùng với số tiền: 22,386 tỷ đồng;
- + 10 dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi với số tiền: 22,2 tỷ đồng;
- + 03 dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại các Công ty và khu công nghiệp với số tiền: 37,2 tỷ đồng;
- + 01 dự án đầu tư thiết bị môi trường với số tiền: 3,1 tỷ đồng;

- + 01 dự án đầu tư lò đốt chất thải rắn với số tiền: 8,4 tỷ đồng;
- + 04 dự án đầu tư ô chôn lấp chất thải với số tiền: 37,15 tỷ đồng;
- + 01 dự án hệ thống quan trắc khí thải tự động với số tiền: 1,6 tỷ đồng.

10.6. Triển khai các công cụ trong quản lý môi trường

10.6.1. Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường

Công tác đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã và đang tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện đáp ứng yêu cầu đánh giá, dự báo tác động môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM được thực hiện đảm bảo quy trình, thủ tục thẩm định theo hướng cải cách hành chính nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu về chất lượng của công tác thẩm định.

Công tác thẩm định, cấp phép: được thực hiện đúng quy trình, thủ tục, đã thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt khoảng 300 dự án có quy mô báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp và hướng dẫn hơn 1.200 lượt hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; 01 doanh nghiệp được cấp giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại; 18 doanh nghiệp được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu.

Kết quả, từ năm 2015 đến tháng 6/2020 UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt và ủy quyền thẩm định, phê duyệt trên 550 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường và hồ sơ tương đương; Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN Đồng Nai và UBND các huyện cấp xác nhận 962 hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và hồ sơ tương đương.

Ngoài ra, trong 05 năm qua UBND tỉnh Đồng Nai đã cấp và ủy quyền cấp 313 giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án theo quy định.

Bảng 10.3. Tình hình thực hiện các thủ tục hành chính về môi trường trong giai đoạn 2016 - 2020

Stt	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	TỔNG
1	Thẩm định, phê duyệt ĐTM	149	141	191	182	190	853
2	Xác nhận hoàn thành công trình BVMT	33	38	80	94	68	313
3	Xác nhận Kế hoạch BVMT	120	207	240	205	190	962

10.6.2. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Về quản lý, xử lý chất thải

Hàng năm UBND các huyện đều thực hiện công tác kiểm tra, giám sát công tác xử lý chất thải rắn tại địa phương, đồng thời hướng dẫn phương pháp

xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của các hộ dân vùng sâu, vùng xa chưa có tuyến thu gom.

Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải đến năm 2020 là: chất thải nguy hại là 100%; chất thải rắn công nghiệp không nguy hại là 100%; chất thải y tế là 100%; tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hiện nay không quá 15%. Toàn tỉnh có 09 khu xử lý chất thải theo quy hoạch đều đã có các nhà đầu tư, hiện nay đã có 02 Khu xử lý ngưng hoạt động và 07 Khu xử lý hiện đang hoạt động, đã cơ bản đáp ứng tiếp nhận và xử lý khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh trên địa bàn tỉnh. 100% khu công nghiệp đang hoạt động có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn; 100% khu công nghiệp có nước thải ổn định được lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động và truyền dữ liệu về Sở để theo dõi, giám sát.

Trong giai đoạn 2014 - 2020, lực lượng cảnh sát môi trường Công an tỉnh đã phát hiện 685 vụ vi phạm liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, đã tham mưu các cấp có thẩm quyền ra quyết định xử phạt hành chính và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm với số tiền tương đương 16.430.050.000 đồng. Qua đó, đã chấn chỉnh các hành vi vi phạm liên quan đến công tác quản lý, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt.

b. Về bảo vệ môi trường

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch được phê duyệt; triển khai các đoàn thanh tra, kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của UBND tỉnh cũng như phản ánh của người dân.

Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được xử lý triệt để, có 97/99 cơ sở được chứng nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm; còn lại 02 cơ sở đã chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, hiện đang được xem xét, đưa ra khỏi danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Từ năm 2016 đến nay, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường với tổng số 860 quyết định với tổng số tiền 48.562.470.544 đồng, cụ thể như sau:

- **Năm 2016:** Chánh Thanh tra Sở TNMT đã hoàn tất thủ tục, ký hoặc trình UBND tỉnh ký 147 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 5.760.170.000 đồng,

+ Chánh Thanh tra Sở TNMT đã ký 129 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 1.875.070.000 đồng,

+ Trình Chủ tịch UBND tỉnh ký 18 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 3.885.100.000 đồng,

- **Năm 2017:** Chánh Thanh tra Sở TNMT đã hoàn tất thủ tục, ký hoặc trình UBND tỉnh ký 231 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 16.780.650.000 đồng,

+ Chánh Thanh tra Sở TNMT đã ký 195 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 3.622.650.000 đồng,

+ Trình Chủ tịch UBND tỉnh ký 18 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 13.158.000.000 đồng,

- **Năm 2018:** Chánh Thanh tra Sở TNMT đã hoàn tất thủ tục, ký hoặc trình UBND tỉnh ký 224 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 15.577.600.000 đồng,

+ Chánh Thanh tra Sở TNMT đã ký 195 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 3.563.600.000 đồng,

+ Trình Chủ tịch UBND tỉnh ký 29 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 12.014.000.000 đồng,

- **Năm 2019:** Chánh Thanh tra Sở TNMT đã hoàn tất thủ tục, ký hoặc trình UBND tỉnh ký 158 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 6.387.600.000 đồng,

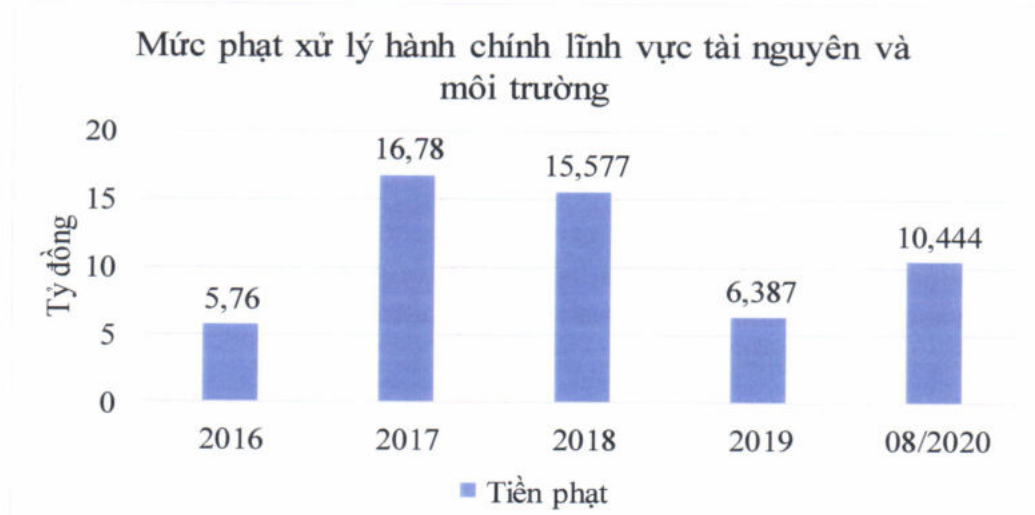
+ Chánh Thanh tra Sở TNMT đã ký 150 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 3.732.600.000 đồng,

+ Trình Chủ tịch UBND tỉnh ký 8 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 2.655.000.000 đồng,

- **Năm 2020** (tính đến 15/8/2020): Chánh Thanh tra Sở TNMT đã hoàn tất thủ tục, ký hoặc trình UBND tỉnh ký 100 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 10.444.050.544 đồng,

+ Chánh Thanh tra Sở TNMT đã ký 83 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 3.065.824.068 đồng,

+ Trình Chủ tịch UBND tỉnh ký 17 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 7.378.226.476 đồng.



Hình 10.1. Mức phạt xử lý hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường năm 2016-2020

10.6.3. Kiểm soát ô nhiễm và xử lý các nguồn gây ô nhiễm cấp quốc gia, cấp địa phương

Bên cạnh việc kiểm soát chặt chẽ nước thải tại các khu công nghiệp trên địa bàn, tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát các đơn vị sản xuất kinh doanh có lưu lượng nguồn thải lớn (nước thải, khí thải) yêu cầu lắp đặt trạm quan trắc môi trường tự động, kết nối dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát theo quy định.

+ Về lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động: Tính đến cuối năm 2019, trên địa bàn tỉnh có 17/17 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quy mô xả thải trên 1.000m³/ngày (không bao gồm các chủ đầu tư KCN) đã thực hiện lắp đặt quan trắc tự động nước thải và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường, quy định 06 nhóm đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động nước thải, cụ thể quy định quy mô xả thải được tính theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải. Do vậy, trong năm 2020, sẽ thực hiện rà soát lại toàn bộ các đối tượng phải thực hiện lắp đặt quan trắc tự động nước thải trên cơ sở theo công suất hệ thống xử lý nước thải.

+ Về lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động:

Thực hiện Khoản 2 Điều 47 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 23 Điều 3, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; theo đó quy định các đối tượng bắt buộc phải thực hiện lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục khí thải và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12/2020.

Theo thống kê đến tháng 03/2020, trên địa bàn tỉnh có 64 cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động khí thải theo quy định tại Phụ lục I, Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, trong đó: có 11/64 cơ sở thuộc đối tượng bắt buộc đã lắp đặt quan trắc tự động khí thải với tổng số trạm quan trắc là 16 trạm; có 09/11 cơ sở đã truyền dữ liệu quan trắc tự động khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường với 13 trạm quan trắc; còn lại 53 cơ sở thuộc đối tượng bắt buộc nhưng chưa thực hiện lắp đặt thiết bị quan trắc và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường. Ngoài ra, có 01 Công ty TNHH Tayca (Việt Nam) không thuộc đối tượng bắt buộc đã thực hiện lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động và truyền dữ liệu về Sở.

Trong năm 2020, sẽ theo dõi, rà soát, bổ sung, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục khí thải.

+ Tiếp tục tập trung kiểm tra, giám sát chặt chẽ các "điểm nóng" về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, hàng năm xây dựng kế hoạch và triển khai kiểm tra, giám sát đối với 15 cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ phát sinh gây ô

nhiễm môi trường cao. Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát đã kịp thời nhắc nhở, hướng dẫn các doanh nghiệp chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp có hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường, hạn chế tình trạng khiếu kiện phát sinh, hình thành các "điểm nóng" trên địa bàn tỉnh.

10.6.4. Quan trắc và thông tin môi trường cấp quốc gia, cấp địa phương

Công tác quan trắc chất lượng môi trường được thực hiện tốt, giúp theo dõi, giám sát, cảnh báo và triển khai xử lý kịp thời; khối lượng khá lớn: quan trắc chất lượng nước mặt 166 vị trí tại (18 sông, 55 suối, 20 hồ); quan trắc chất lượng môi trường không khí 141 vị trí (gián đoạn tại 116 vị trí, liên tục tại 25 vị trí); quan trắc chất lượng nước dưới đất 115 vị trí; quan trắc nước thải KCN tại 31 vị trí các KCN; quan trắc trầm tích 38 vị trí (sông Đồng Nai, sông Thị Vải và hồ Trị An), quan trắc dioxin khu vực phụ cận sân bay Biên Hòa. Đã lắp đặt 04 trạm quan trắc nước mặt tự động, tại 4 vị trí trên sông Đồng Nai đoạn từ hồ Trị An đến thành phố Biên Hòa, tiếp nhận 01 trạm từ Dự án Thủy lợi Phước Hòa.

Lắp đặt 02 trạm quan trắc không khí tự động cố định, 01 trạm quan trắc không khí tự động - di động.

Bên cạnh đó, tỉnh sẽ được lắp đặt 06 trạm quan trắc nước mặt gồm 05 trạm trên sông Đồng Nai và 01 trạm trên sông Thị Vải theo Dự án thành phần Tăng cường thể chế và thực thi thuộc Dự án “Quản lý ô nhiễm các khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Đồng Nai, sông Nhuệ - Đáy”.

Lắp đặt và đưa vào vận hành thiết bị quan trắc tự động nước thải tại 25 HTXLNTTT của KCN để kiểm soát chặt chẽ việc xử lý nước thải. Qua đó, đã kịp thời theo dõi, giám sát, cảnh báo về chất lượng môi trường đến các địa phương, nhất là các hộ nuôi cá bè, nuôi trồng thủy sản về tình trạng chất lượng nước, giảm thiểu thiệt hại do ô nhiễm nguồn nước hay thiên tai gây ra.

Ngoài ra, còn triển khai thực hiện nhiệm vụ quan trắc Dioxin khu vực phụ cận sân bay Biên Hòa thực hiện dựa trên Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 21/6/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt mạng lưới quan trắc chất độc hóa học/dioxin vùng phụ cận sân bay Biên Hòa giai đoạn 2010-2015 và văn bản số 3836/UBND-CNN ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh về vị trí thực hiện quan trắc dioxin khu vực xung quanh sân bay Biên Hòa, đến năm 2020 vẫn tiếp tục triển khai tại 11 vị trí và triển khai 1 vị trí quan trắc không khí khu vực xung quanh sân bay nhằm quan trắc theo dõi hàm lượng dioxin và lan tỏa ô nhiễm ra khu vực xung quanh.

10.6.5. Áp dụng công cụ kinh tế trong quản lý môi trường

Các công cụ kinh tế được sử dụng nhằm tác động tới chi phí và lợi ích trong hoạt động của tổ chức kinh tế để tạo ra các tác động tới hành vi ứng xử của nhà sản xuất có lợi cho môi trường.

Việc sử dụng các công cụ kinh tế trên có một số tác động tích cực như các hành vi môi trường được thuế điều chỉnh một cách tự giác, các chi phí của xã

hội cho công tác bảo vệ môi trường có hiệu quả hơn, khuyến khích việc nghiên cứu triển khai kỹ thuật công nghệ có lợi cho bảo vệ môi trường, gia tăng nguồn thu nhập phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường và cho ngân sách tỉnh và duy trì tốt giá trị môi trường của địa phương và tỉnh.

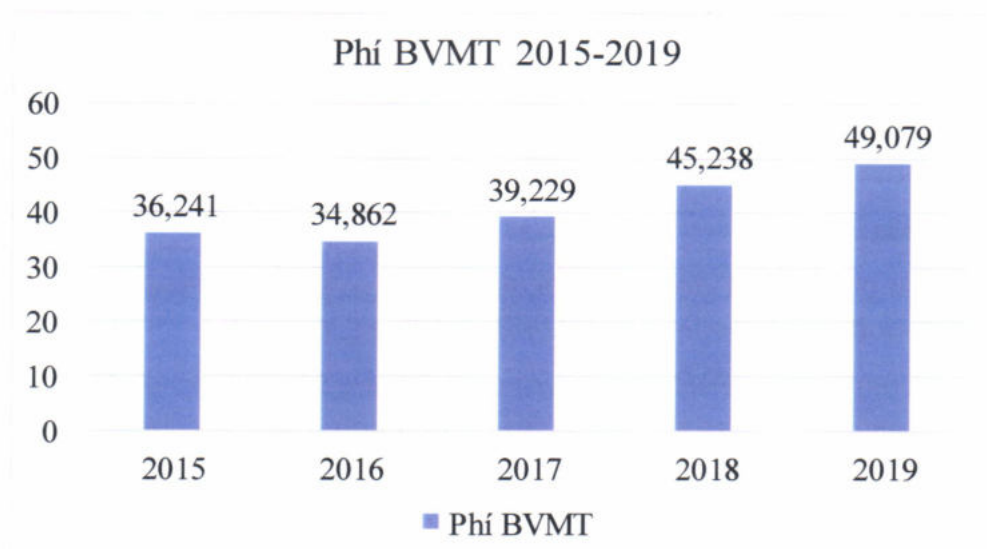
Các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường gồm:

- Thuế và phí môi trường.
- Giấy phép chất thải có thể mua bán được hay "cota ô nhiễm".
- Ký quỹ môi trường.
- Trợ cấp môi trường.
- Nhân sinh thái.

Hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường từng bước được đẩy mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm qua, Quỹ tiếp nhận 136,980 tỷ đồng, nâng tổng nguồn vốn đến nay là 252,223 tỷ đồng; đã chủ động tổ chức tuyên truyền, quảng bá, tiếp cận nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh để giới thiệu và hướng dẫn các đơn vị có nhu cầu đầu tư trong công tác bảo vệ môi trường, trình duyệt 100% hồ sơ của các đơn vị có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn với lãi suất ưu đãi là 132,02 tỷ đồng/38 dự án; nâng tổng số đã duyệt cho vay vốn 227,888 tỷ đồng/74 dự án; tài trợ một số nội dung trong Đề án Phân loại chất thải rắn tại nguồn, với số tiền là 0,871 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch; tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với số tiền 47,199 tỷ đồng/38 dự án nâng tổng số tiền 103,834 tỷ đồng/52 dự án, hoàn thành 100% kế hoạch.

Nhìn chung, **công tác thu phí bảo vệ môi trường** đối với nước thải và chất thải rắn: Rà soát, thống kê và hướng dẫn kê khai nộp phí đúng đối tượng, mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý môi trường và tạo nguồn vốn cho công tác kiểm soát ô nhiễm trên địa bàn tỉnh; tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thu được trong 05 năm qua (2015-2019) là 204,649 tỷ đồng. Năm 2020, dự kiến thu được 49,017 tỷ đồng.

Kết quả thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và chất thải rắn trên địa bàn tỉnh, như sau:



Hình 10.2. Kết quả thu phí bảo vệ môi trường giai đoạn 2015-2019

Năm 2015:

Thu phí BVMT đối với nước thải: tổng số phí BVMT đối với nước thải trên địa bàn tỉnh thu được là: 31.408.236.856 đồng, trong đó:

- Tổng số phí BVMT đối với nước thải công nghiệp do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, thu được: 2.787.170.745 đồng (đạt 96 % so với kế hoạch 2,9 tỷ đồng), nộp ngân sách địa phương 2.229.736.596 đồng (80% trên tổng số tiền phí thu được).

- Tổng số phí BVMT đối với nước thải công nghiệp do cấp huyện thực hiện, thu được: 1.754.268.723 đồng (đạt 123% so với kế hoạch 1.425.000.000 đồng), nộp ngân sách địa phương 1.403.414.978 đồng (80% trên tổng số tiền phí thu được).

- Tổng số phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt do Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai thực hiện, thu được: 26.807.607.466 đồng (đạt 122% so với kế hoạch 22.000.000.000 đồng), nộp ngân sách nhà nước 24.931.074.943 đồng.

- Tổng số phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt do cấp huyện thực hiện: có 05 đơn vị đã triển khai công tác thu phí BVMT là: huyện Vĩnh Cửu, huyện Long Thành, huyện Trảng Bom, thành phố Long Khánh và huyện Nhơn Trạch, trong đó thành phố Long Khánh thu được 59.189.922 đồng, 05 đơn vị còn lại chưa báo cáo kết quả số liệu thu được; và 06 đơn vị còn lại là: Thành phố Biên Hòa, huyện Thống Nhất, huyện Định Quán, huyện Xuân Lộc, huyện Tân Phú, huyện Cẩm Mỹ chưa báo cáo tình hình triển khai thu phí.

Thu phí BVMT đối với chất thải rắn: tổng số phí BVMT đối với chất thải rắn trên địa bàn tỉnh thu được: 4.833.441.604 đồng, trong đó:

- Tổng số phí chất thải rắn do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, thu được: 4.188.777.620 đồng (đạt 209% so với kế hoạch 2 tỷ đồng), nộp ngân sách nhà nước 3.351.022.096 đồng (80% trên tổng số tiền phí thu được), trích sử

dụng theo chế độ 837.755.524 đồng (20% trên tổng số tiền phí thu được).

- Tổng số phí chất thải rắn do cấp huyện thu được: 644.663.984 đồng (đạt 153% 419.000.000 đồng); nộp ngân sách nhà nước 515.731.187 đồng (80% trên tổng số tiền phí thu được).

Năm 2016:

Thu phí BVMT đối với nước thải: tổng số phí BVMT đối với nước thải trên địa bàn tỉnh thu được là: 34.862.060.032 đồng, trong đó:

- Tổng số phí BVMT đối với nước thải công nghiệp do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, thu được: 3.661.013.686 đồng (đạt 146% so với kế hoạch 2,5 tỷ đồng), nộp ngân sách địa phương 2.928.810.949 đồng (80% trên tổng số tiền phí thu được).

- Tổng số phí BVMT đối với nước thải công nghiệp do cấp huyện thực hiện, thu được: 1.730.343.522 đồng (đạt 123% so với kế hoạch 1.400.000.000 đồng), nộp ngân sách địa phương 1384274818đồng (80% trên tổng số tiền phí thu được).

- Tổng số phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt do Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai thực hiện, thu được: 29.432.756.805 đồng (đạt 109% so với kế hoạch 27.000.000.000 đồng), nộp ngân sách nhà nước 27.372.463.829 đồng.

- Tổng số phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt do cấp huyện thực hiện: thành phố Long Khánh thu được 59.189.922 đồng; các huyện còn lại chưa báo cáo kết quả thu phí.

Năm 2017:

Thu phí BVMT đối với nước thải: tổng số phí BVMT đối với nước thải trên địa bàn tỉnh thu được là: 39.229.670.984 đồng, trong đó:

- Tổng số phí BVMT đối với nước thải công nghiệp do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, thu được: 6.235.012.401 đồng (đạt 240% so với kế hoạch 2,5 tỷ đồng), nộp ngân sách địa phương 4.988.009.921 đồng (80% trên tổng số tiền phí thu được).

- Tổng số phí BVMT đối với nước thải công nghiệp do cấp huyện thực hiện, thu được: 1.823.007.903 đồng (đạt 121% so với kế hoạch 1.497.000.000 đồng), nộp ngân sách địa phương 1.458.406.322 đồng (80% trên tổng số tiền phí thu được).

- Tổng số phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt do Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai thực hiện, thu được: 31.171.650.680 đồng (đạt 111% so với kế hoạch 28.000.000.000 đồng), nộp ngân sách nhà nước 28.716.882.301đồng.

- Tổng số phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt do cấp huyện thực hiện: thành phố Long Khánh thu được 44.656.200 đồng (06/06 phường thực hiện thu phí); các huyện còn lại chưa báo cáo kết quả thu phí.

Năm 2018:

Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh thu được là: 45.238.408.877 đồng (vượt 22% so với kế hoạch năm 2018 và vượt 15% so với kết quả thu phí năm 2017), trong đó:

- Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, thu được: 7.111.470.121 đồng với 361 doanh nghiệp, nộp ngân sách của tỉnh 5.333.602.591 đồng (75% trên tổng số tiền phí thu được).

- Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp do cấp huyện thực hiện, thu được: 1.662.433.074 đồng, với 964 doanh nghiệp, nộp ngân sách của huyện 1.246.824.806 đồng (75% trên tổng số tiền phí thu được).

- Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

- + Tổng số phí nước thải sinh hoạt do Đơn vị cung cấp nước sạch thực hiện thu được 36.455.392.381 đồng, trong đó:

Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai thu được 34.129.026.976 đồng, nộp ngân sách 31.739.995.088 đồng (93% trên tổng số tiền phí thu được)

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh thu được 2.326.365.405 đồng), nộp ngân sách của tỉnh 2.093.728.865 đồng (90% trên tổng số tiền phí thu được).

- + Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do cấp huyện thực hiện: công tác thu phí bảo vệ môi trường đối nước thải sinh hoạt còn gặp nhiều khó khăn, hiện nay trên địa bàn tỉnh chỉ có 06/06 phường thành phố Long Khánh triển khai thu được 30.583.422 đồng; các huyện còn lại chưa triển khai thực hiện.

Năm 2019:

Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh thu được là: 49.079.927.800 đồng (vượt 18% so với kế hoạch năm 2019 và vượt 8,4% so với kết quả thu phí năm 2018), trong đó:

- Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, thu được: 6.538.982.947 đồng với 309 doanh nghiệp, nộp ngân sách của tỉnh 4.904.237.210 đồng (75% trên tổng số tiền phí thu được).

- Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp do cấp huyện thực hiện, thu được: 1.593.454.833 đồng, với 817 doanh nghiệp, nộp ngân sách của huyện 1.195.091.125 đồng (75% trên tổng số tiền phí thu được).

- Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

- + Tổng số phí nước thải sinh hoạt do Đơn vị cung cấp nước sạch thực hiện thu được 40.925.053.904 đồng, trong đó:

Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai thu được 38.254.110.624 đồng, nộp ngân sách 35.515.151.261 đồng (93% trên tổng số tiền phí thu được).

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh thu được 2.670.943.280 đồng, nộp ngân sách của tỉnh 2.403.848.952 đồng (90% trên tổng số tiền phí thu được).

+ Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do cấp huyện thực hiện: công tác thu phí bảo vệ môi trường đối nước thải sinh hoạt còn gặp nhiều khó khăn, hiện nay trên địa bàn tỉnh chỉ có 06/06 phường thành phố Long Khánh triển khai thu được 22.436.116 đồng; các huyện còn lại chưa triển khai thực hiện.

Bảng 10.4. Kết quả thu phí BVMT năm 2019 và kế hoạch năm 2020 đối với nước thải

STT	ĐƠN VỊ THU PHÍ	PHÍ THU ĐƯỢC NĂM 2019 (đồng)	NĂM 2020 (đồng)
A	Nước thải công nghiệp (A1+A2):	8.132.437.780	4.226.500.000
A1	Sở TN&MT thu:	6.538.982.947	2.600.000.000
A2	Các huyện, TP. Biên Hòa, TP. Long Khánh	1.593.454.833	1.626.500.000
	TP. Biên Hòa	468.724.308	375.000.000
	TP. Long Khánh	298.753.440	300.000.000
	Huyện Trảng Bom	21.913.108	40.000.000
	Huyện Long Thành	185.441.925	130.000.000
	Huyện Vĩnh Cửu	126.000.000	274.500.000
	Huyện Thống Nhất	138.750.000	105.000.000
	Huyện Định Quán	22.500.000	27.000.000
	Huyện Cẩm Mỹ	127.239.930	150.000.000
	Huyện Tân Phú	72.000.000	105.000.000
	Huyện Xuân Lộc	108.546.076	110.000.000
	Huyện Nhơn Trạch	23.586.046	10.000.000
B	Nước thải sinh hoạt:	40.947.490.020	44.791.000.000
	Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai	38.254.110.624	42.079.000.000
	Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh	2.670.943.280	2.712.000.000
	TP. Long Khánh	22.436.116	

10.7. Hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và vấn đề áp dụng các công nghệ mới

Hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ:

+ Đề tài “Ứng dụng ảnh viễn thám và Gis trợ giúp quản lý, quy hoạch trong một số khu vực phát triển trọng điểm của tỉnh Đồng Nai” (Đơn vị chủ trì: Viện Công nghệ vũ trụ Việt Nam). Thời gian thực hiện: 2016-2019.

+ Theo Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Chương trình Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn

2016-2020, Sở KH&CN triển khai mới 01 dự án “Nghiên cứu khả năng ngập tình Đồng Nai trong bối cảnh biến đổi khí hậu” (Đơn vị thực hiện: Viện Khí tượng Thủy văn Hải văn và Môi trường). Thời gian thực hiện tháng 02/2016 – 10/2018. Dự án được Hội đồng KH&CN nghiệm thu vào tháng 12/2017. Kết quả dự án đã được bàn giao cho Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông vận tải, Xây dựng.

Và 03 dự án được nghiệm thu kết quả và chuyển giao ứng dụng trong năm 2016 như sau:

+ Dự án “Nghiên cứu xây dựng chương trình khoa học công nghệ ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2015 – 2020, tầm nhìn 2050”. (Đơn vị thực hiện: Viện môi trường và Tài nguyên) Thời gian thực hiện từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2016. Kinh phí thực hiện: 1.523.450.000đồng. Dự án đã được hội đồng chuyên ngành đánh giá tổng kết – nghiệm thu vào ngày 22/01/2016. Kết quả dự án đã được chuyển giao cho các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Giao Thông và Vận Tải, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu Tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế để triển khai ứng dụng kết quả.

+ Dự án: “Nghiên cứu ảnh hưởng dòng chảy, ảnh hưởng của xâm nhập mặn, đề xuất giải pháp quản lý lưu vực sông và giảm thiểu tác động sự xâm nhập mặn do biến đổi khí hậu đến các lưu vực sông tỉnh Đồng Nai”. Thời gian thực hiện từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2016; Kinh phí thực hiện: 1.131.937.000 đồng. Dự án đã được hội đồng chuyên ngành đánh giá tổng kết – nghiệm thu vào ngày 25/3/2016. Kết quả dự án đã được chuyển giao cho các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông và Vận tải, Xây dựng, Công thương, UBND huyện Long Thành, UBND huyện Nhơn Trạch, UBND TP. Biên Hòa, Công ty cấp thoát nước Đồng Nai để triển khai ứng dụng kết quả.

+ Dự án “Xác lập cơ sở dữ liệu và đề xuất các chương trình nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế phục vụ cho các giải pháp khắc phục cơ bản hậu quả dioxin” (Đơn vị thực hiện: Viện môi trường và Tài nguyên) Thời gian thực hiện 01/2015-9/2016; Kinh phí thực hiện: 465.510.000đ. Dự án đã được hội đồng KH&CN nghiệm thu với kết quả xếp loại khá vào tháng 11/2016. Kết quả dự án: đã được chuyển giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Năm 2019, tiếp nhận 12 phiếu đề xuất, đặt hàng từ các đơn vị đưa vào danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2020 thuộc chương trình “Tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường”. Kết quả: thông qua 04 đề xuất đặt hàng “đề nghị thực hiện” tại Hội đồng tư vấn xác định danh mục và được phê duyệt theo Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện năm 2020 với 4 nhiệm vụ và đang thực hiện các bước tiếp theo quy định gồm:

+ Đề tài: Nghiên cứu phương pháp định lượng và ước tính phát thải khí nhà kính cho các ngành kinh tế trọng điểm của Đồng Nai.

+ Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp chống ngập cho thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Đề tài: Đánh giá hiện trạng ô nhiễm hạt vi nhựa trong mẫu nước và trầm tích sông Đồng Nai tỉnh Đồng Nai và đề xuất các biện pháp quản lý.

+ Đề tài: Nghiên cứu xử lý rác thải nhựa (PE) thành dạng viên sỏi để thay sỏi, đá dăm 1x2 làm phối liệu bê tông trong xây dựng thân thiện với môi trường.

Hoạt động chuyển giao công nghệ: Xác nhận 45 hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Vấn đề áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn: Hỗ trợ DNTN Tâm Phát xây dựng hệ thống xử lý khói bụi trong sản xuất gốm đất đen từ năm 2017-2019.

10.8. Nâng cao nhận thức cộng đồng và vấn đề xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường

Trong các năm qua, công tác phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức nhận cộng đồng về bảo vệ môi trường luôn được các cấp, ngành, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh quan tâm thực hiện với nhiều chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ được triển khai tổ chức, qua đó ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường ngày càng được nâng cao:

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã ký kết và tổ chức thực hiện Chương trình liên tịch về phối hợp hành động bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững giai đoạn 2016 - 2020 với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh (Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật, Liên đoàn Lao động, Liên minh hợp tác xã, Hội Người cao tuổi). Theo đó, hàng năm, bên cạnh việc cụ thể hóa, lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, các đoàn thể đều xây dựng thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí riêng cho hoạt động truyền thông và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường làm cơ sở thực hiện.

- Công tác phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức nhận trong học đường cho cấp tiểu học luôn được Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Giáo dục và đào tạo duy trì tổ chức thực hiện từ năm ...đến nay, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

- Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường được đặc biệt coi trọng, qua đó nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường. Hàng năm đã chủ trì tổ chức đầy đủ các sự kiện về môi trường. Đã tổ chức 58 buổi lễ meeting hưởng ứng các sự kiện môi trường với hơn 35.000 lượt người tham gia; hơn 250 lượt xe tuyên truyền; phát 56.524 tờ rơi, 1.000 cuốn tài liệu tuyên truyền, treo 2.608 băng rôn; 5 hội thi tìm hiểu về môi trường; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như đưa tin trên các báo, đài, website, pano của Sở và Đài Phát thanh địa phương với khoảng 150 tin bài khác nhau; tổ chức ra quân tổng vệ sinh với hơn 435 lượt, nạo vét kênh mương, khai thông

cổng rãnh hơn 36.075m, thu gom hơn 32.744m³ chất thải, trồng và chăm sóc hơn 65.230 cây xanh, dọn dẹp vệ sinh, nâng cấp sửa chữa hơn 4.932 m đường giao thông...

Phổ biến văn bản pháp luật: Tập trung phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, như: Luật Bảo vệ môi trường 2015, Luật đa dạng sinh học; các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật. Tham mưu, tổ chức triển khai các Nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Tổ chức hơn 50 lớp tập huấn với khoảng 18.669 lượt người tham dự dành cho các cán bộ của các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần đưa chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường vào cuộc sống nâng cao hiệu quả cho công tác quản lý về bảo vệ môi trường. Ngoài ra đã phối hợp với các cơ quan báo đài nhằm phổ biến rộng rãi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường cho tất cả các đối tượng trên địa bàn.

Thực hiện dân chủ cơ sở về bảo vệ môi trường, các thông tin, dữ liệu về môi trường (như kết quả quan trắc, hiện trạng chất lượng môi trường; các văn bản, quy định, các hoạt động về bảo vệ môi trường của địa phương,...) được thông tin công khai qua các cơ quan thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của tỉnh, của Sở Tài nguyên và Môi trường, chương trình phát thanh cấp huyện, xã, qua tiếp xúc cử tri, qua các buổi sinh hoạt của đoàn thể. Qua đó, nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp về bảo vệ môi trường từng bước được nâng lên.

Nhìn chung, công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đã được các ngành, các cấp và các đoàn thể, đơn vị, các cơ sở kinh doanh, sản xuất quan tâm thực hiện; các đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch truyền thông và triển khai thực hiện trên địa bàn, đơn vị mình quản lý. Qua đó, đã góp phần đưa chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường vào cuộc sống nâng cao hiệu quả cho công tác quản lý về bảo vệ môi trường; ý thức cộng đồng dân cư về hoạt động bảo vệ môi trường ngày càng được nâng cao; ý thức chấp hành thủ tục đánh giá tác động môi trường trước khi triển khai dự án đầu tư được các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tuân thủ thực hiện theo quy định; hoạt động kiểm soát ô nhiễm phát sinh tại nguồn thải được các cơ sở ngày một chú trọng thực hiện, thông qua việc đầu tư xây dựng các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải.

10.9. Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường

Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hợp tác trong nước về bảo vệ môi trường với các Bộ, ngành Trung ương về các chương trình bảo vệ môi trường trong chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia; với các tỉnh trong lưu vực sông Đồng Nai về đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Đồng Nai; kế hoạch hành động quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu, đa dạng và an toàn sinh học.

Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác với các tổ chức, cá nhân nước ngoài để được hỗ trợ các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường; tích cực tham gia, phối hợp cùng cộng đồng quốc tế hạn chế tác động biến đổi khí hậu. Phối hợp

chặt chẽ giữa các sở, ngành trong thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao nhận thức cộng đồng trong các hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

CHƯƠNG XI. CÁC THÁCH THỨC TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG 5 NĂM 2021 - 2025

Thời gian qua, công tác bảo vệ môi trường được đặc biệt quan tâm, nhất là ở những khu vực có nguồn thải lớn, các ngành có nguy cơ ô nhiễm môi trường và phát thải cao.

Tỉnh Đồng Nai đã phối hợp chặt chẽ với các tỉnh lân cận quản lý tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường ở các vùng giáp ranh. Thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hoạt động khai thác, kinh doanh tài nguyên khoáng sản trái phép, hạn chế nguy cơ ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

Về thực hiện nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học đã được quan tâm chỉ đạo, tập trung thực hiện theo Luật Đa dạng sinh học, trong đó đã hoàn thành lập quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh; các khu vực có tính đa dạng sinh học cao được ưu tiên thực hiện nhiều nhiệm vụ, dự án bảo tồn; kiểm soát các loài ngoại lai xâm hại.

Hoạt động truyền thông về bảo vệ môi trường được tăng cường. Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020. Ưu tiên thu hút đầu tư những dự án sản xuất sạch, thân thiện môi trường. Kiểm soát các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm, đặc biệt là các cơ sở có nguồn thải lớn phát sinh từ hoạt động công nghiệp. Đẩy mạnh đầu tư hệ thống xử lý nước thải, hệ thống quan trắc môi trường ở các khu công nghiệp và doanh nghiệp. Chỉ đạo quản lý chặt chẽ việc cấp phép và kiểm soát các tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải trên địa bàn. Thường xuyên giám sát tiến độ đầu tư các hạng mục xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quan tâm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp triển khai các dự án đầu tư công nghệ xử lý, tái chế chất thải rắn sinh hoạt, giảm thiểu tỷ lệ chôn lấp.

Tiếp tục thực hiện dự án tổng thể về ứng phó biến đổi khí hậu; xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng; đánh giá tác động, xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Chú trọng thực hiện nhiệm vụ bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ phát triển bền vững tài nguyên rừng, đa dạng sinh học. Thực hiện đạt mục tiêu Nghị quyết về chỉ tiêu tỷ lệ che phủ cây xanh, tỷ lệ che phủ của rừng.

11.1. Các tồn tại, thách thức trong bảo vệ môi trường

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo vệ môi trường trong thời gian qua còn nhiều tồn tại, thách thức:

- Thách thức trong quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, rác thải nhựa, phân loại chất thải tại nguồn

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa

trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cùng với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm tới, có thể nhận thấy khá rõ ràng, một trong những thách thức lớn đối với tỉnh Đồng Nai đó là công tác quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt để có thể đảm bảo mục tiêu thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt 100%, trong đó tỷ lệ chôn lấp dưới 15% theo chỉ tiêu Nghị quyết Tỉnh ủy.

Song song với thách thức trên đó là việc triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn; việc thí điểm phân loại chất thải tại nguồn đã được tỉnh Đồng Nai thực hiện thí điểm từ năm 2010, nhưng cho đến nay, ngoài một số kết quả nhất định tại một số huyện, thành phố thì việc triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác phân loại chất thải vẫn đang là bài toán không đơn giản.

Trong thời gian qua các chủ dự án đã quan tâm, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu xử lý chất thải để tiếp nhận, xử lý chất thải trên địa bàn góp phần nâng tỷ lệ xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường quy định. Tuy nhiên, việc triển khai còn nhiều hạn chế cụ thể như sau:

- Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025, các mục tiêu về tỷ lệ chôn lấp chất thải chưa được nêu cụ thể về lộ trình thực hiện, làm cơ sở để các chủ dự án triển khai.

- Trong quá trình triển khai chủ dự án tập trung nhiều cho các công nghệ xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp thông thường, chưa quan tâm đúng mức cho việc đầu tư các hạng mục công trình xử lý, tái chế chất thải rắn sinh hoạt.

- Việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho công tác thu gom, vận chuyển cũng như nguồn nhân lực còn hạn chế, nhiều điểm trung chuyển, sang tiếp rác chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nhiều phương tiện thu gom, vận chuyển còn thô sơ, dẫn tới phát sinh ô nhiễm mùi, nước rỉ rác, dẫn đến phản ánh của người dân.

- Thách thức trong quản lý, xử lý chất thải từ hoạt động chăn nuôi (heo, gà,...).

- Thách thức trong chọn lựa dự án đầu tư phù hợp với sức chịu tải với môi trường tiếp nhận.

- Thách thức trong đầu tư hạ tầng kỹ thuật, xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị.

- Công tác quản lý môi trường ở một số địa phương chưa chặt chẽ, vẫn còn để xảy ra tình trạng các cơ sở hoạt động nhưng không có thủ tục môi trường, không phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- Mặc dù công tác truyền thông, phổ biến pháp luật được nâng cao; công tác thanh, kiểm tra luôn được tăng cường nhưng tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn còn diễn biến phức tạp, vẫn còn trường hợp một số doanh nghiệp, một bộ phận người dân ý thức bảo vệ môi trường của còn hạn chế, chưa thực hiện nghiêm việc thu gom, xử lý rác thải, chất thải.

- Việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cần nguồn vốn đầu tư lớn như: xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải các khu dân cư, các đô thị trên

địa bàn tỉnh (chủ yếu kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng); chi phí đầu tư các hệ thống quan trắc tự động môi trường, chi phí đầu tư các thiết bị để công khai kết quả quan trắc chất lượng cho cộng đồng, chi phí bảo trì, bảo dưỡng...

- Việc triển khai đầu tư, đổi mới công nghệ xử lý chất thải tại các khu xử lý còn chậm, chưa đánh giá đúng năng lực của chủ đầu tư các dự án xử lý rác thải; việc triển khai đồng bộ phân loại chất thải tại nguồn, xử lý chất thải tại các khu quy hoạch chưa được thực hiện đồng bộ.

- Việc phối hợp liên tỉnh, liên vùng trong thực hiện công tác quản lý về bảo vệ môi trường còn khó khăn, chưa hiệu quả. Nguyên nhân do: công tác trao đổi thông tin, phối hợp giải quyết các vấn đề nổi cộm về ô nhiễm môi trường giữa các địa phương, giữa địa phương và Trung ương chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; mối quan hệ liên tỉnh và liên vùng còn chưa được quan tâm một cách thỏa đáng; các địa phương chưa chủ động, trong phối hợp giải quyết các vấn đề môi trường theo hướng tổng thể, hầu như độc lập triển khai các hoạt động quản lý công tác bảo vệ môi trường trong phạm vi địa phương mình.

- Mặc dù công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học được thực hiện thường xuyên, thu hút nhiều tầng lớp người dân tham gia, tuy nhiên tình trạng chặt phá cây rừng và săn bắt động vật hoang dã vẫn còn diễn ra. Đây là thách thức rất lớn cho công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường của các ngành, các cấp.

- Việc thực hiện chủ trương chuyển đổi công năng, di dời các doanh nghiệp tại khu công nghiệp Biên Hòa 1 tiến độ còn chậm, chưa đảm bảo yêu cầu đề ra.

- Hầu hết các CCN trên địa bàn tỉnh được giao UBND cấp huyện làm chủ đầu tư, do vậy nguồn vốn để thực hiện dự án không đủ để triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, như hệ thống giao thông và hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải theo quy hoạch; nhất là chưa đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN để thu gom xử lý nước thải của các cơ sở đang hoạt động trong CCN trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Thực tế, các cơ sở đang hoạt động trong CCN đều là cơ sở vừa và nhỏ, nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân, sau khi qua bể tự hoại và thải trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường cục bộ nhất là vào những khi trời mưa, dẫn đến phản ánh của người dân.

11.2. Phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường trong 5 năm 2021-2025

11.2.1. Phương hướng bảo vệ môi trường trong 5 năm 2021 - 2025

Việc tập trung xây dựng các dự án quan trọng cấp quốc gia như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết và các dự án giao thông liên kết vùng đang triển khai trên địa bàn sẽ mang lại nhiều động lực, cơ hội thúc đẩy phát triển và chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh, gây sức ép lớn về yêu cầu phát triển kết cấu hạ tầng, áp lực dân số ngày càng gia tăng và kéo theo nhiều hệ lụy về mặt xã hội cần phải giải quyết như việc làm, nhà ở, dịch vụ y tế, giáo dục, ô

nhiễm môi trường,...là những thách thức tỉnh Đồng Nai sẽ đối mặt trong thời gian tới.

Vì vậy, phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu là phương hướng mà tỉnh tiếp tục quan tâm, chỉ đạo trong thời gian tới nhằm:

- Quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, khoáng sản, hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên không tái tạo;
- Tăng cường công tác bảo vệ và cải thiện môi trường, giải quyết triệt để các vấn đề ảnh hưởng đến môi trường;
- Tổ chức thực hiện tốt việc ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

11.2.2. Giải pháp bảo vệ môi trường trong 05 năm 2021 - 2025

1. Công tác quản lý, bảo vệ môi trường

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật môi trường, công cụ nhằm quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Tùy theo tình hình thực tiễn nổi lên trong từng giai đoạn, các Sở, Ban, Ngành có liên quan phối hợp tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ra các Chỉ thị, Nghị quyết nhằm huy động cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc để giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường nổi lên không để hình thành các “điểm đen”, “điểm nóng” về bảo vệ môi trường, tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, hoàn thành việc di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, cơ sở phải di dời theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu về môi trường theo Nghị quyết hàng năm của Tỉnh ủy. Tăng cường công tác tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng về bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng đến tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn, hạn chế phát sinh rác thải nhựa.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của dự án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai, cụ thể: thực hiện 12 nhóm dự án liên quan đến bảo vệ môi trường lưu vực sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Rà soát, đánh giá, khoanh vùng các nguồn nước thải lớn, tiềm ẩn rủi ro gây ra sự cố môi trường, áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ; phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải” trên phạm vi cả nước sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ Dự án theo Quyết định 609/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 92/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND về việc thông qua quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại trong quan trắc tự động môi

trường; đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao, có khả năng tiếp cận, sử dụng thành thạo các công nghệ cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường. Tiếp tục quan trắc các thành phần môi trường đất, nước, không khí, nước dưới đất, trầm tích theo mạng lưới quan trắc giai đoạn 2020-2025; quan trắc dioxin khu vực phụ cận sân bay Biên Hòa; quan trắc nước thải tại các hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Bảo vệ môi trường tại các khu vực trọng điểm

- Bảo vệ môi trường khu vực đô thị

+ Thực hiện các dự án quan trắc môi trường nhằm cảnh báo cho người dân chất lượng môi trường sống và đề xuất các biện pháp khắc phục phù hợp.

+ Thực hiện di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ sở chăn nuôi không phù hợp với quy hoạch trên địa bàn các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

+ Tăng cường phổ biến các quy định của Nhà nước và của ngành y tế cho các cơ sở y tế, kể cả cơ sở y tế tư nhân về công tác bảo vệ môi trường và xử lý chất thải y tế. Đồng thời, tăng cường kiểm tra việc xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế tư nhân, thực hiện chuyển chất thải cho các đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định.

+ Các bệnh viện, trung tâm y tế thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy trì hoạt động hệ thống xử lý nước thải theo quy định; giám sát chất lượng của các công trình xử lý chất thải tại các bệnh viện.

- Bảo vệ môi trường các KCN và CCN

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát việc xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của các KCN đang hoạt động; đôn đốc, kiểm tra việc đầu nối nước mưa, nước thải của các doanh nghiệp trong các KCN; tăng cường kiểm tra hoạt động thu gom, xử lý các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN; giám sát việc xây dựng hạ tầng thu gom, xử lý nước thải của các doanh nghiệp trong KCN.

+ Giám sát, đôn đốc các chủ đầu tư Cụm công nghiệp và các doanh nghiệp trong Cụm công nghiệp hoàn thành lập thủ tục môi trường, đầu tư các hạng mục công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Bảo vệ môi trường nông thôn

+ Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn theo Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

+ Nhân rộng các mô hình xử lý ô nhiễm môi trường tại các điểm phát sinh chất thải nguy hại ở các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo hướng GAP; kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất và kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

+ Tiếp tục các biện pháp bảo vệ động vật hoang dã; xây dựng và tổ chức thực hiện tốt quy chế phối hợp quản lý bảo vệ rừng giữa các chủ rừng với chính

quyền địa phương sở tại.

3. Tăng cường quản lý bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai trên địa bàn. Xử lý nghiêm việc khai thác tài nguyên không phép, trái phép, hành vi gây ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và hoạt động hợp tác quốc tế trong quản lý bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên, trong đó có nguồn lực tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước.

- Kiểm soát tốt các tác động đến môi trường của các dự án được cấp phép, chủ động phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là những dự án lớn, công nghệ phức tạp và có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao. Áp dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật tiên tiến trong xử lý chất thải. Tăng cường năng lực quan trắc môi trường và ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quan trắc chất lượng môi trường nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm. Tập trung xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Khắc phục, cải tạo môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường không khí ở các khu đô thị, khu dân cư.

- Tập trung triển khai các chương trình, dự án ưu tiên trong thực hiện quy hoạch về bảo tồn đa dạng sinh học. Ngăn chặn hiệu quả suy thoái tài nguyên và suy giảm đa dạng sinh học. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, các-bon thấp vì sự phát triển bền vững của tỉnh.

- Tăng cường và chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

4. Tăng cường quản lý khai thác và kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh

Để tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản theo Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước với hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản, Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 20/12/2016 của tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý khai thác và kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh, các Sở ngành các tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian tới, cụ thể như sau:

a. Sở Thông tin và truyền thông: Phối hợp với Ban tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng các cơ quan báo, đài tuyên truyền các nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản và bảo vệ môi trường, giao thông đường thủy nội địa, kinh doanh vật liệu xây dựng và các quy định về quản lý, khai thác tài nguyên

khoáng sản trên địa bàn tỉnh; cập nhật các chủ trương, đường lối, chính sách, kế hoạch về pháp luật trên cổng thông tin điện tử tỉnh.

b. Sở Tài nguyên và Môi trường: chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa (UBND cấp huyện) thực hiện các nhiệm vụ:

- Đánh giá kết quả thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đề xuất Chính phủ, Bộ ngành trung ương tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của các văn bản quy định pháp luật về khoáng sản và những chồng chéo giữa Luật Khoáng sản và các Luật khác có liên quan.

- Rà soát quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền UBND tỉnh đã phê duyệt để xây dựng nội dung Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn trong quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch

- Phối hợp Cục thuế tỉnh rà soát, đánh giá tình hình nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn, trong đó bao gồm các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường; chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hàng năm theo quy định, tổng hợp, báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản, tập trung vào công tác bảo vệ môi trường trong khai thác, chế biến khoáng sản, đặc biệt là hoạt động khai thác, sử dụng cát, sỏi lòng sông; kiên quyết dừng khai thác, đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường đối với những khu vực khai thác không hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường theo quy định pháp luật; rà soát, kiểm tra công tác đóng cửa mỏ đối với các giấy phép khai thác khoáng sản đã hết hiệu lực theo quy định; thực hiện nghiêm Quyết định số 4615/QĐ-UBND ngày ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng thẩm định, phê duyệt báo cáo thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền UBND tỉnh, nhất là các báo cáo thăm dò khoáng sản thuộc diện mở khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ. Thực hiện báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản hàng năm về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Triển khai đề án thực hiện dự án đánh giá tổng thể môi trường, tài nguyên khoáng sản và mức độ ảnh hưởng trong hoạt động cụm mỏ đá Tam Phước, Phước Tân đến môi trường khu vực và sông Buông, trên cơ sở phê duyệt kết quả thực hiện đề án chỉ đạo triển khai các giải pháp tăng cường bảo vệ môi trường, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản tại khu vực cụm mỏ đá Tam Phước, Phước Tân, đồng thời tiếp tục triển khai nhân rộng thực hiện dự án đánh giá tổng thể môi trường, tài nguyên khoáng sản và mức độ ảnh hưởng trong hoạt động cụm mỏ đá thuộc xã Thiệt Tân, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu.

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ đánh giá hiện trạng môi trường sông Đồng Nai trong đó có đánh giá cụ thể: ô nhiễm nguồn nước, dòng chảy, hiện trạng sạt

lở đường bờ,...để làm cơ sở đề xuất phương án thực hiện quản lý các dự án công trình vùng giáp ranh bờ sông, dự án khai thác cát xây dựng, nạo vét kết hợp thu hồi cát xây dựng trên sông Đồng Nai.

- Trên cơ sở các khu vực khoáng sản đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, công bố là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ, định kỳ hàng năm kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình cấp phép thăm dò, khai thác đối với các khu vực khoáng sản đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, công bố là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

c. Sở Giao thông Vận tải

- Thực hiện rà soát các dự án nạo vét thông luồng, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Quy chế số 02/QCPH-UBNDĐN-BGTVT ngày 23/5/2017 giữa UBND tỉnh Đồng Nai và Bộ Giao thông vận tải về công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với các dự án xã hội hóa nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai.

- Tổ chức kiểm tra, xử lý các phương tiện thủy có kết cấu đặc thù lưu thông neo đậu trên sông rạch thuộc địa bàn tỉnh Đồng Nai.

d. Công an tỉnh: tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo kiểm tra, truy quét, bảo vệ lâm sản và khoáng sản tỉnh Đồng Nai, trong đó tập trung chỉ đạo lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Cảnh sát Điều tra tội phạm về kinh tế, Cảnh sát Giao thông đường thủy và lực lượng Công an huyện theo chức năng, nhiệm vụ:

- Thực kiểm tra xử lý các điểm nóng về khai thác cát không phép trên sông; điểm nóng về khai thác đất trên địa bàn tỉnh; điểm nóng về khai thác đá đưa vào cửa xẻ, xuất khẩu không phép tại xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom; điều tra, xử lý các đối tượng khai thác khoáng sản không phép có tổ chức, các trường hợp có dấu hiệu “bảo kê” hoạt động khai thác khoáng sản không phép.

- Tăng cường thực hiện phòng, chống tội phạm về khoáng, xử lý nghiêm các hành vi khai thác khoáng sản trái phép, vận chuyển và kinh doanh khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp, đặc biệt là khoáng sản cát, sỏi lòng sông trên địa bàn. Nghiêm cấm lợi dụng việc nạo vét, khơi thông luồng để khai thác cát, khai thác khoáng sản trái phép; kiểm tra, xử lý hoạt động mua bán, vận chuyển cát không phép trên sông, rạch và tại các bến bãi tập kết cát, nhất là làm rõ bãi tập kết cát xây dựng trên sông La Ngà giáp ranh tỉnh Bình Thuận thuộc xã Gia Canh, huyện Định Quán (do khu vực này tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Thuận không cấp giấy phép khai thác vùng giáp ranh, các bến cát này có dấu hiệu sử dụng giấy phép khai thác giả hoặc giấy phép của đơn vị được cấp phép không thể vận chuyển sản phẩm đến bến bãi để hợp lý khối lượng cát xây dựng); Tổ chức kiểm tra, xử lý các phương tiện thủy có kết cấu đặc thù lưu thông neo đậu trên sông rạch thuộc địa bàn tỉnh Đồng Nai.

e. Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo 389 (Sở Công thương): định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở kinh doanh khoáng sản, vật liệu xây dựng và hoạt động bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm hoạt động khai thác, buôn bán, vận chuyển, xuất khẩu khoáng sản trái phép; báo cáo UBND tỉnh, Ban Nội chính Tỉnh ủy đối với hoạt động mua bán, tích trữ sét gạch ngói tại các cơ sở sản xuất gạch ngói trên địa bàn huyện Xuân Lộc, hoạt động mua bán, tích trữ đá tảng lẫn trên khu vực giáp ranh với các tỉnh tại địa bàn huyện Trảng Bom, hoạt động mua bán, tích trữ cát tại các huyện Tân Phú, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch và thành phố Biên Hòa

f. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Tập trung thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 6943/UBND-CNN ngày 18/7/2017 và Văn bản số 13615/UBND-KTN ngày 22/11/2019, phối hợp các Sở ngành, địa phương thẩm định các phương án cải tạo đất, không làm thay đổi với mục đích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, tài nguyên nước theo đúng quy định của Luật Trồng trọt năm 2018.

- Phối hợp cùng các cơ quan liên quan rà soát các khu vực khai thác cát, sỏi lòng sông; các dự án nạo vét, khơi thông luồng đã cấp phép đang triển khai thực hiện, xác định các dự án làm ảnh hưởng đến khả năng tiêu, thoát lũ, sự ổn định của bờ sông, gây sạt lở bờ, bãi sông hoặc làm ảnh hưởng đến sự an toàn của các công trình ven sông để thực hiện theo quy định.

g. UBND các huyện:

- Chủ động tổ chức kiểm tra phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khai thác cát trái phép khai thác vật liệu san lấp trái phép hoặc không theo đúng giấy phép

- Tập trung tăng cường kiểm tra kiểm tra, giám sát đối với bến bãi đã hết hạn hoạt động trên địa bàn, yêu cầu các bến bãi cam kết không thực hiện mua bán cát lậu.

- Phát động nhân dân, các khu phố, xã, phường kịp thời phản ánh các trường hợp bơm hút cát trái phép đến cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Chỉ đạo UBND các xã tiếp tục thực hiện nghiêm kế hoạch triển khai Chỉ thị 14-CT/TU của Tỉnh ủy trên địa bàn huyện. Người đứng đầu cấp ủy các địa phương phải chịu trách nhiệm trực tiếp với cấp ủy, chính quyền cấp trên trong việc đấu tranh ngăn chặn xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác, kinh doanh tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường.

5. Tiếp tục và tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng, doanh nghiệp của tỉnh xây dựng và tổ chức triển khai nhiều chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ tuyên truyền nâng cao nhận thức nhận cộng đồng về bảo vệ môi trường:

- Tổng kết kết quả thực hiện Chương trình liên tịch về phối hợp hành động bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và triển

khai ký kết Chương trình liên tịch về phối hợp hành động bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững giai đoạn 2021 - 2025 với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong học đường giữa ngành Tài nguyên và Môi trường và Giáo dục và đào tạo với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Tăng cường công tác phối hợp tổ chức triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường giữa ngành tài nguyên và môi trường với các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND cấp huyện nhân dịp hướng ứng các ngày/tuần lễ môi trường hàng năm.

- Tập trung các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc ý thức, hình thành thói quen thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và chống rác thải nhựa, nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 54-CT/TU ngày 24/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai.

- Tổ chức xét khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

- Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thường xuyên, kịp thời và rộng rãi đến mọi tầng lớp.

- Tuyên truyền, vận động người dân tham gia quản lý hoạt động tổ chức tự quản về giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường trên địa bàn sinh sống.

6. Tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải tập trung các đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

7. Tăng cường công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp; công tác kiểm tra, thanh tra về tài nguyên và môi trường:

- Nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân; tham mưu giải quyết tốt các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, đơn thư phản ánh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, không để các vụ việc kéo dài, phát sinh điểm nóng.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, tập trung vào những vấn đề nổi cộm, kiểm tra sau thanh tra, kiểm tra sau cấp phép; kiểm tra về bảo vệ môi trường. Thực hiện thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, đặc biệt là các vụ việc có tính chất phức tạp, khiếu kiện đông người.

- Hiện đại hóa công tác thanh tra, kiểm tra để nâng cao chất lượng, hiệu quả nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

8. Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý:

- Công khai minh bạch các thông tin về quy trình, thủ tục hành chính và kết

Các nguồn phát sinh chất thải ra môi trường từng bước được tăng cường kiểm soát, thu gom, xử lý. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 32/32 KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung và vận hành ổn định, xử lý đạt yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong khu công nghiệp được thu gom, xử lý bình quân khoảng 127.778 m³/ngày.đêm; nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất quy mô xả thải lớn ngoài các khu công nghiệp/cụm công nghiệp cũng đã được kiểm soát, thu gom, xử lý và có sự giám sát chặt chẽ của Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua trạm quan trắc tự động liên tục và truyền dẫn về Sở Tài nguyên và Môi trường cùng với các trạm quan trắc tự động liên tục nước thải tại các khu công nghiệp tập trung. Riêng đối với nước thải sinh hoạt tại các đô thị tập trung hiện chưa được thu gom, xử lý đạt yêu cầu quy định, đến nay chỉ mới hoàn thành và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất 3.000 m³/ngày.đêm tại phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa.

Các nguồn phát thải khí thải của các cơ sở sản xuất trong và ngoài khu, cụm công nghiệp đều được kiểm soát, thu gom, xử lý theo yêu cầu quy định về bảo vệ môi trường khi thải công nghiệp. Các nguồn thải khí thải với quy mô phát sinh lớn trên 20.000 m³/giờ đã và đang được Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát tự động, liên tục thông qua trạm quan trắc tự động liên tục và truyền dẫn về Sở Tài nguyên và Môi trường, hiện có 11/64 cơ sở thuộc đối tượng lắp đặt quan trắc tự động liên tục.

Chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy đạt tỷ lệ 100%; chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy đạt tỷ lệ 100%; chất thải rắn công nghiệp không nguy hại được thu gom, xử lý đạt tỷ lệ 100%; chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 100%, trong đó tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đạt không quá 15%.

Tập trung kiểm tra, giám sát chặt chẽ các "điểm nóng" về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hàng năm, đã xây dựng, ban hành kế hoạch và triển khai kiểm tra, giám sát đối với cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ phát sinh gây ô nhiễm môi trường cao. Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát đã kịp thời nhắc nhở, hướng dẫn các doanh nghiệp chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp có hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường, hạn chế tình trạng khiếu kiện phát sinh, hình thành các "điểm nóng" trên địa bàn tỉnh. Đến nay, các "điểm nóng" phát sinh về ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh đã được kiểm soát, không phát sinh mới.

Về ý thức chấp hành quy định về thực hiện thủ tục đánh giá tác động trước và trong khi dự án triển khai hoạt động đã được các chủ đầu tư, dự án nghiêm túc chấp hành. Việc thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện đảm bảo quy trình, thủ tục thẩm định theo hướng cải cách hành chính nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu về chất lượng của công tác thẩm định. Kết quả, từ năm 2015 đến tháng 12/2020 UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt và ủy quyền thẩm định, phê duyệt khoảng 1.166 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường và hồ sơ tương đương; Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các

khu công nghiệp Đồng Nai và UBND các huyện cấp xác nhận 962 hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và hồ sơ tương đương.

Đối với công tác truyền thông về bảo vệ môi trường trong các năm vừa qua đã được chú trọng về cả nội dung và hình thức với sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy Ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thông qua thực hiện các chương trình liên tịch về hành động bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững đã giúp cho phong trào bảo vệ môi trường được lan tỏa trong cộng đồng dân cư và doanh nghiệp; nhiều sáng kiến, mô hình bảo vệ môi trường được quan tâm của các cấp các ngành và được thực hiện thí điểm tại các địa phương và trường học góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của đa số người dân.

Diễn biến chất lượng môi trường nước mặt, không khí từ năm 2016 - 2020 cho thấy: Hiện trạng môi trường chất lượng nước ở các khu vực cấp nước sinh hoạt, các khu vực nuôi trồng thủy sản và các lưu vực sông lớn như thượng nguồn sông Đồng Nai, sông Thị Vải, sông La Ngà có dấu hiệu ổn định, dao động không nhiều qua các năm và hầu hết đều đạt quy chuẩn cho phép (riêng vào mùa mưa do lượng phù sa dồi dào ở thượng nguồn đổ về các sông, suối ở hạ lưu dẫn đến các chỉ tiêu TSS, hữu cơ tăng vượt quy chuẩn cho phép nhưng tăng không nhiều). Tuy nhiên ở các sông, rạch nhỏ tiếp giáp với khu vực có các cơ sở chăn nuôi như rạch Bà Chèo, sông Buông thì vẫn cho thấy hàm lượng ô nhiễm chất hữu cơ không có dấu hiệu suy giảm và vượt quy chuẩn cho phép.

Nếu so sánh với chất lượng nước ở các lưu vực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 05 năm trước thì nhìn chung hiện nay có thể thấy chất lượng nước mặt trên địa bàn tỉnh vẫn giữ được tính ổn định qua nhiều năm và càng ngày có các chuyển biến tích cực về chất lượng nước tại các lưu vực tiếp giáp với các khu dân cư, các khu và cụm công nghiệp.

Chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua còn tương đối tốt, ô nhiễm không khí chỉ tập trung cục bộ chủ yếu tại một số khu vực hoạt động công nghiệp tập trung, một số đô thị lớn. Ô nhiễm bụi diễn ra tại các tuyến đường đang thi công, tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng hoặc các nút giao thông có mật độ lớn.

Chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua không biến động nhiều. Hầu hết các vị trí có chất lượng đất luôn đạt yêu cầu phù hợp với mục đích sử dụng, chưa thấy dấu hiệu suy thoái đất do tác động của công nghiệp và nông nghiệp đến môi trường đất. Các khu vực quan trắc gồm: đất nền, đất nông nghiệp, đất dân sinh, đất phụ cận bãi chôn lấp chất thải, đất công nghiệp hầu hết ổn định.

Tuy nhiên, việc quá trình phát triển kinh tế - xã hội cùng với những tác động của biến đổi khí hậu đã và đang tiếp tục làm gia tăng nhiều áp lực đối với môi trường, gây ra không ít vấn đề bức xúc về môi trường, tác động tới sức khỏe cộng đồng. Trong vài năm trở lại đây, vấn đề ô nhiễm bụi và tiếng ồn vẫn tiếp tục phát hiện tại một số vị trí nút giao thông, khu vực khai thác khoáng sản và

khu dân cư, ô nhiễm chất hữu cơ, vi sinh trong nước mặt còn khá phổ biến tại các sông, suối trên địa bàn, đặc biệt là sông suối nội ô, nội thị, là nơi tiếp nhận nước thải sinh hoạt của các đô thị lớn, khu vực có hoạt động sản xuất công nghiệp, khu vực khai thác khoáng sản. Công tác quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân loại chất thải tại nguồn đang gặp nhiều khó khăn thách thức trước tình hình tăng dân số cơ học của tỉnh ở mức cao, biến đổi khí hậu liên quan đến môi trường cần được quan tâm cảnh báo.

2. KIẾN NGHỊ

a. Các kiến nghị đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy định của pháp luật về môi trường, tài nguyên,... bảo đảm thống nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; trong đó, chú trọng xây dựng các tiêu chí sàng lọc, tiếp nhận các dự án đầu tư theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

- Chỉ đạo xây dựng lực lượng ứng phó sự cố môi trường và hệ thống trang thiết bị cảnh báo sự cố môi trường. Có cơ chế đề cấp xã, phường bố trí cán bộ phụ trách công tác môi trường trên địa bàn.

- Hiện tại, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện rà soát, tổng hợp các vướng mắc, bất cập của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường. Bên cạnh đó, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường quan tâm đến các nội dung liên quan việc phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường liên tỉnh, đặc biệt tại các khu vực giáp ranh; bổ sung cụ thể các quy định lấy ý kiến liên tỉnh, liên vùng khi thực hiện triển khai các dự án có khả năng gây tác động đến môi trường trên lưu vực sông.

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường cần sớm hoàn thiện cơ sở dữ liệu các nguồn thải trên lưu vực hệ thống sông Đồng Nai để qua đó kịp thời cập nhật thông tin các nguồn thải phục vụ cho công tác quản lý các nguồn thải liên tỉnh, liên vùng; công bố, công khai các điểm quan trắc môi trường nước mặt tại các tỉnh trên lưu vực để qua đó chia sẻ dữ liệu quan trắc môi trường tại các tỉnh trên lưu vực nhằm có các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp giữa các địa phương.

- Tiếp tục hướng dẫn các Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương xử lý các nội dung vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn khi áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật.

- Quy định, hướng dẫn cụ thể các giải pháp về quy hoạch quản lý chất thải rắn công nghiệp mang tính vùng và tập trung, hạn chế việc chất thải được vận chuyển với khoảng cách xa, xử lý phân tán tại nhiều cơ sở quy mô nhỏ dễ tạo điều kiện cho việc vi phạm pháp luật, khó kiểm soát.

- Xem xét, sớm ban hành Thông tư về quản lý chất thải rắn thông thường và có hướng dẫn về: (1) quy định các biện pháp, chế tài đối với hoạt động phân loại chất thải tại nguồn trong dân, trang thiết bị và phương tiện tối thiểu phải trang bị; (2) Quy định cụ thể việc sử dụng phế liệu, vận chuyển, kinh doanh phế liệu để tránh trùng lặp các quy định giữa phế liệu và chất thải.

- Quy định, hướng dẫn sử dụng công cụ kiểm toán chất thải, hướng dẫn chi tiết đối với một số ngành để có biện pháp áp dụng sản xuất sạch, tiết giảm chất thải và xử lý cuối đường ống.

- Có các chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm được sản xuất, tái chế từ chất thải, tạo điều kiện cho các chủ dự án đầu tư hạng mục công trình tái chế, thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải.

- Có chính sách về tài chính để có thể tập trung nguồn chất thải rắn sinh hoạt cho việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát điện, do hiện nay việc vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo hình thức đấu thầu.

- Có chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp hành nghề quản lý chất thải đầu tư các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải theo hướng thân thiện môi trường, đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

b. Đối với các địa phương, các tỉnh trong lưu vực sông Đồng Nai

Để nâng cao hiệu quả phối hợp trong xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường liên tỉnh, liên vùng đang tồn tại trên lưu vực hệ thống sông Đồng Nai, bên cạnh việc chủ động giải quyết các bất cập tại địa phương, các tỉnh trong lưu vực cần thống nhất một số nội dung thực hiện:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật môi trường, công cụ nhằm quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

- Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu về môi trường theo Nghị quyết hàng năm của Tỉnh ủy. Tăng cường công tác tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng về bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng đến tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn, hạn chế phát sinh rác thải nhựa.

- Triển khai thực hiện tốt Quy chế phối hợp số 37/QCPH-TPHCM-BRVT-ĐN-BD-TN-LA-TG-BP-LĐ ngày 06/01/2017 về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường ở các vùng giáp ranh.

- Thường xuyên rà soát các nội dung thực hiện của Quy chế, có phân công trách nhiệm cụ thể cho các ngành, các cấp có liên quan trong thực hiện trách nhiệm phối hợp quản lý, BVMT; hợp tác, chia sẻ, giám sát các hoạt động có khả năng gây ô nhiễm môi trường tại khu vực giáp ranh giữa các tỉnh và ở quy mô cả vùng.

- Có cơ chế hợp tác để cung cấp, trao đổi thông tin về các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp kinh doanh, sản xuất có hoạt động xả thải tại khu vực giáp ranh, giới liên tỉnh nhằm phát hiện các dấu hiệu vi phạm pháp luật về BVMT có nguy cơ tác động tiêu cực ở phạm vi liên tỉnh, liên vùng. Phối hợp kiểm tra liên ngành, liên tỉnh, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường các cơ sở thuộc các vùng giáp ranh và thông báo kết quả kiểm tra cho các tỉnh biết để cùng kịp thời chỉ đạo, xử lý dứt điểm theo hướng đồng bộ, liên vùng.

- Tăng cường công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh

chấp; công tác kiểm tra, thanh tra về tài nguyên và môi trường.

- Tiếp tục ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, xây dựng, nâng cấp các phần mềm chuyên môn trong quản lý tài nguyên và môi trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý. Duy trì hoạt động hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường; nâng cấp các phần mềm điều hành công việc, quản lý môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, thanh tra - kiểm tra; cập nhật, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường ngày càng hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cục thống kê Đồng Nai (2016), Niên giám thống kê năm 2016, Đồng Nai;
- [2]. Cục thống kê Đồng Nai (2017), Niên giám thống kê năm 2017, Đồng Nai;
- [3]. Cục thống kê Đồng Nai (2018), Niên giám thống kê năm 2018, Đồng Nai;
- [4]. Cục thống kê Đồng Nai (2019), Niên giám thống kê năm 2019, Đồng Nai;
- [5]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, 2020; Báo cáo “Tổng kết nhiệm kỳ 2015-2020 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020-2025”;
- [6]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, 2020; Báo cáo “Thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu từ năm 2014-2020”;
- [7]. Công an tỉnh Đồng Nai, 2020; Báo cáo “Kết quả thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2014-2020”;
- [8]. Sở Tài chính, Văn bản số 3076/STC-TCHCSN ngày 12/06/2020 – Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [9]. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa, Văn bản số 3512/PTNMT-MT ngày 30/06/2020 - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [10]. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Thành, Văn bản số 533/BC-TNMT ngày 01/07/2020 – Báo cáo hiện trạng môi trường huyện Long Thành giai đoạn 2016-2020;
- [11]. UBND huyện Vĩnh Cửu, Văn bản số 595/BC-UBND ngày 14/07/2020 - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [12]. UBND thành phố Long Khánh, Văn bản số 978/BC-UBND ngày 11/08/2020 - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [13]. Ban Quản lý các khu công nghiệp, Văn bản số 1868/KCNĐN-MT ngày 29/06/2020 - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [14]. Phòng Cảnh sát Môi trường, Văn bản số 380/PC05 ngày 07/08/2020 - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [15]. Quỹ Bảo vệ Môi trường, Văn bản số 269/QBVMT ngày 17/06/2020 - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [16]. Sở Công thương, Văn bản số 3349/SCT-KT&NL ngày 30/07/2020 - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;

- [17]. Sở Giao thông Vận tải, Văn bản số 3922/SGTVT-OLVTPT ngày 01/07/2020 - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [18]. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn bản số 2805/SKHĐT-QLN ngày 06/08/2020 - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [19]. Sở Khoa học và Công nghệ, Văn bản số 148/BC-SKHCN - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [20]. Sở Thông tin và Truyền thông, Văn bản số 1746/STTTT-BCXBTTC - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [21]. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Văn bản số 1783/SVHTTDL-DL - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [22]. Sở Y tế, Văn bản số 3111/BC-SYT - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [23]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, 2017; Báo cáo “quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;
- [24]. UBND huyện Thống Nhất, Văn bản số 696/TN&MT - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [25]. Chi cục Quản lý Đất đai, Văn bản số 378/CCQLĐĐ-HCTH - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [26]. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Nai, 2020; “Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020”;
- [27]. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Nai, Văn bản số 3328/SNN-PTNT\$QLCL – Báo cáo “đánh giá kế hoạch thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”;
- [28]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, 2019; Báo cáo “bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019”;
- [30]. UBND huyện Định Quán, Văn bản số 350/BC-UBND - Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai;
- [31]. UBND tỉnh Đồng Nai, 2020; Báo cáo “Về việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu từ năm 2014-2020”;
- [32]. Ban Quản lý các khu công nghiệp, Văn bản số 24/BC-KCNĐN ngày 20/02/2020; Báo cáo “Tình hình xây dựng, vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019”;
- [33]. Sở Công thương, 2020; “Hồ sơ pháp lý 27 CCN quy hoạch giai đoạn 2013-2020”;

- [34]. Sở Công thương, 2020; “Danh mục dự án thứ cấp đang hoạt động trong các CCN trong địa bàn tỉnh Đồng Nai”;
- [35]. Sở Tài nguyên và Môi trường, 2016; Báo cáo “Kết quả thu phí Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 và Nghị định số 174/2007/NĐ-CP ngày 29/11/2007 của Chính phủ”;
- [36]. Sở Tài nguyên và Môi trường, 2017; Báo cáo “Kết quả thu phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2016”;
- [37]. Sở Tài nguyên và Môi trường, 2018; Báo cáo “Kết quả thu phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017”;
- [38]. Sở Tài nguyên và Môi trường, 2019; Báo cáo “Kết quả thu phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2018”;
- [39]. Sở Tài nguyên và Môi trường, 2020; Báo cáo “Kết quả thu phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019”;
- [40]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, 2020; Báo cáo “Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”; Lưu Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- [41]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường đất tỉnh Đồng Nai, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020;
- [42]. Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Môi trường Đồng Nai, Báo cáo “Kết quả quan trắc tài nguyên nước mặt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2019, năm 2020”, Lưu Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- [43]. Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai, Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020;
- [44]. Dự án tổng thể bảo tồn đa dạng và an toàn sinh học tỉnh Đồng Nai, 2010-2020;
- [45]. Sở Tài Nguyên và Môi trường, 2018; Báo cáo “Nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu năm 2017”;
- [46]. Sở Tài Nguyên và Môi trường, 2019; Báo cáo “Nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu năm 2018”;
- [47]. Sở Tài Nguyên và Môi trường, 2020; Báo cáo “Nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu năm 2019”;
- [48]. UBND tỉnh Đồng Nai; “Dự thảo văn kiện lần 9 ngày 10/09/2020”;
- [49]. Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn bản số 2753/STNMT-CCBVMT ngày 02/05/2020; Báo cáo “Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường làng nghề”;
- [50]. UBND tỉnh Đồng Nai; Báo cáo “Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Đồng Nai giai

đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

[51]. Phòng Tài nguyên Nước, Khoáng sản và Biến đổi Khí hậu, 2019; Báo cáo “Hiện trạng công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”;

[52]. Sở Công thương, 2020; Báo cáo “Đề xuất điều chỉnh, bổ sung danh mục các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn sau năm 2020”;

[53]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, ngày 30/06/2020; Báo cáo “Tình hình phát sinh, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt năm 2020 trên địa bàn tỉnh và việc triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn”;

[54]. UBND tỉnh Đồng Nai, Văn bản số 5183/BC-UBND ngày 21/06/2016 – Báo cáo “Tình hình phát sinh và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2015 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”;

[55]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, Văn bản số 1628/STNMT-CCBVM ngày 30/03/2017 – Báo cáo “Tình hình phát sinh và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2016 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”;

[56]. UBND tỉnh Đồng Nai, Văn bản số 3839/BC-UBND ngày 19/04/2018 – Báo cáo “Tình hình phát sinh và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”;

[57]. UBND tỉnh Đồng Nai, Văn bản số 4454/BC-UBND ngày 23/04/2019 – Báo cáo “Tình hình phát sinh và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”;

[58]. UBND tỉnh Đồng Nai, Văn bản số 2357/BC-UBND ngày 09/03/2020 – Báo cáo “Tình hình phát sinh và quản lý chất thải rắn thông thường năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”;

[59]. Văn kiện đại hội đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI nhiệm kỳ 2020–2025;

[60]. <http://dongnai.gov.vn>;

[61]. <http://tnmtdongnai.gov.vn>;

[62]. Các Website của Tổng cục thống kê, Hệ thống văn bản pháp quy, Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai và Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai.